

Tạp văn

Ngô Tất Tố

10 năm nữa báo chí bắc kỳ sẽ cổ động đến "thò lò quay đất"

Đó là lời một người tiên tri mới nói với mình hôm chủ nhật vì được biết mình là người làng báo. Sau khi nghe hết câu ấy thì mình lấy làm sững sốt, cảm giận mà hỏi lại:

- Ông rửa làng báo chúng tôi hay sao? Báo chí chết rét nào mà lại cổ động những trò mọi rợ ấy?

- Tôi đâu dám rửa các ngài.

- Nhà tiên tri trả lời một cách điềm nhiên và tiếp:

- Các ngài là những người "hướng đạo"(!) cho quốc dân chúng tôi kia mà. Tôi đâu dám rửa các ngài. Tôi bảo mười năm nữa báo chí Bắc Kỳ sẽ cổ động "thò lò quay đất" đây là theo quá khứ và hiện tại mà đoán định tương lai, cái luật tiến hóa phải như vậy.

- ??? Có lẽ là "bình thường"

- Ngài ở làng báo, chắc là ngài nhớ hơn chúng tôi. Về quá khứ, cách đây chừng hơn mười năm, một cuốn tạp chí hết sức cổ động chúng tôi học Truyện Kiều nhờ đó quốc dân chúng tôi mới biết bộ Tiểu sử của Hoa nô kia là Thánh thư phúc âm (!) của dân tộc Việt Nam, rồi đó chúng tôi mới đua nhau nghiên cứu về khoa "Kiều lầy"; kế tiếp, một vài tờ báo cổ động cho quốc dân chúng tôi học hát ả đào, nhờ đó chúng tôi mới biết cái khoa "quỳnh rượu hát hãm" là một món quốc túy của thi nhân mặc khách ngày xưa, từ đó chúng tôi xô nhau mà học đánh chầu nghe phách, sách dạy đánh chầu in ra như bướm bướm. Thế là về quá khứ, chúng tôi đã nhờ các ngài mà bước được hai bước khá dài trên đường tiến bộ vậy. Còn về hiện tại, một bạn đồng nghiệp bằng quốc văn của các ngài vẫn thường có đăng những bài giải nghĩa những vấn đề tâm các cố, quý nghiệp hữu sợ cổ động như vậy hiệu quả không được chóng lại xuất bản tờ báo bằng Pháp văn, luôn luôn đăng những kiệt tác dạy cho các hạng thanh niên tân học cái lối "năm khàn bắt phồng, ăn dọc, đá ngang"; rồi đến một cuốn tạp chí vừa mới ra đời kia, số đầu có một thiên đại bút (!) nói về môn học "xe pháo mã tốt", số hai đã dạy cho chúng tôi cái bí yếu của những anh ôm túi quân cờ, ngồi nơi đầu đường cuối chợ rồi. Phải, những món ấy là những món lợi dân ích quốc (!) không có các ngài "chỉ lối đưa đường" cho, chúng tôi đâu có biết. Từ thời kỳ các ngài khuyến khích chúng tôi học Kiều học hát ả đào đến thời kỳ các ngài chỉ

dẫn chúng tôi đánh tổ tôm, đánh cờ tướng, chẳng qua trong vòng mười năm. Theo luật tiến hóa, chắc là sau mười năm nữa, sẽ có những ngài đem cái thành tâm đối với chủng tộc giang sơn đầy ăm ắp, nóng hôi hổi mà cổ động cho quốc dân học những món quay đất thờ lờ, vì nó cũng là món chơi đặc biệt của dân tộc Việt Nam bấy giờ quốc dân chúng tôi sẽ nhờ ơn các Hát hăm lúc uống rượu quý. ngài mà được mở mặt rạn mày với thế giới, "chen vai thích cánh" với các nước phú cường. ân đức của các ngài thật lớn lắm vậy. Nói đến đây, mình toan hỏi vặn lại thì nhà tiên tri kia trông mình mà nhổ toẹt xuống đất một bãi rồi ngoảnh mặt đi.

An Nam lại sinh thánh

Thánh có nhiều hạng. Cái hạng thánh nhất trong các vị thánh là những ông lập ra tôn giáo. Từ nửa trên thế kỷ 20 về trước, tất cả thế giới chỉ có bốn ông thánh về hạng này. Một là ông Thích Ca Mâu Ni sáng lập ra đạo Phật, hai là ông Gia tô Cơ đốc sáng lập ra đạo Gia tô, ba là ông Mô-hãn-mặc-đức sáng lập ra đạo Hồi, bốn là cụ Khổng, thủy tổ của đạo Nho. Bốn vị đại thánh nhân đó đều đẻ ra trong giải đất Y châu. Thích Ca là người Ấn Độ, Gia tô là người Do Thái, Mô-hãn-mặc-đức là người Thổ Nhĩ Kỳ, cụ Khổng là người ở Trung Hoa. Đó là một điều rất lạ. Đất cát năm châu không hẹp, có gì các ngài không đẻ san ra các nơi khác, lại chen nhau sinh vào một khu? ông Lương Khải Siêu, một nhà thông minh bác học ở Tàu cũng không hiểu được lẽ đó, đã phải đánh đố như vậy: Ai mà nói được cái cơ vì sao ba vị đại thánh nhân ấy (Gia tô, Thích Ca, Khổng Tử) lại cùng đẻ ở châu Y thì tôi xin cầm roi ngựa mà theo hầu. Nhưng xét ra cơ ấy cũng không có gì là khó giải. Chẳng qua vì Y châu là nơi "thổ sản giáo chủ" cũng như Sơn Tây là nơi "thổ sản rau muống", Đình Bảng là nơi "thổ sản củ mài" vậy, cho nên các ngài mới cùng tìm đến Y châu mà đẻ. Nói thế không phải là nói chày cối, tôi có nghiệm xét rõ ràng. Nếu Y châu không phải là nơi thổ sản giáo chủ thì sao lại cứ sản ra giáo chủ luôn luôn? Cho nên ngày nay của "hiếm có" ấy vẫn cứ nảy ra ở đại lục này như thường. Cái ông giáo chủ cuối cùng là người nước ta, thánh hương ở ấp Bến Tam, tỉnh Biên Hòa, thánh hứ là đức Xả Phúng, đạo của ngài là đạo Nhất tâm. Theo báo Lục tỉnh tân văn, đạo Nhất tâm xuất hiện mới 4 tháng nay, tín đồ hiện đã đông lắm. Mỗi tháng cứ đến hai ngày rằm và mừng một là kỳ giảng đạo, trong nhà thờ đèn nến sáng choang, đàn ông đàn bà "con chiên" rải nệm ngồi la liệt từ ngoài đầu sân ngồi vào. Quá luật của đạo này cũng giống quá luật của đạo Thiên chúa, ai đã theo đạo thì phải theo gọn cả nhà, không được để ở nhà mình có một người nào ngoại đạo. Lạ lùng nhất là phép chữa bệnh của đức giáo chủ. Kẻ nào có bệnh xin chữa thì ngài hoặc dùng roi mây mà quất vào đít, hoặc dùng nước lã mà đổ vào mũi, hoặc dùng bùa giấy mà thọc vào trong cuống họng, để chảy ra rãi xanh, rãi vàng. Vậy mà nhiều người cũng cứ đem bệnh đến cho ngài chữa. Nghe nói ngài đang dự định soạn một bộ kinh thánh để truyền bá cho đời, không biết nay đã xong chưa! Tiếc rằng ngài sinh khí muộn, nếu sớm được hai nghìn năm nữa... chắc đâu bây giờ ngài không là một vị cứu thế? Đi ngược trở lại, ta còn thấy nhiều đức giáo chủ khác cũng giống như giáo chủ Nhất tâm. Giáo chủ của Tam Kỳ đại đạo, giáo chủ của Bạch liên giáo, đều sản ở Y châu tất cả. Coi đó biết Y châu thật là cái ổ nở ra giáo chủ. Quý hóa thay!

Bà ấy chỉ hiểu làm một câu truyện Kiều

Bạn gái Hà thành, nhất là những vị tín nữ của thuyết tự do giá thú, chắc đương chau mày, nghiêng răng, bất bình thay cho cuộc gả bán của cô Đoàn Thị Tuệ. Cô Tuệ là một nữ nghệ sĩ của gánh hát Nhật Tân, có tài hát lại có cả tài diễn kịch. Trong khi theo gánh hát ấy đi diễn trò khắp các tỉnh Bắc Kỳ, cô ấy nổi tiếng là một đào giỏi. Vậy mà xuân xanh chưa có bao nhiêu. Có người bảo rằng cô ấy mới 13 tuổi. Đó là người ta muốn cho cô ấy thêm vẻ ngây thơ. Kỳ thực, nữ nghệ sĩ ấy năm nay đã vừa tới tuần cập kê. Nghĩa là bằng tuổi cô Kiều trong lúc bắt đầu gặp chàng Kim Trọng. Và về sự phát triển của đường tình, cô Tuệ cũng không thua gì cô Kiều. Cái người đã được cô ấy để vào mắt xanh và đương cố đóng vai Kim Trọng là một học sinh trường tư, hiện ở với chị tại phố Hàng Nón Hà Nội.

Không hiểu đá biết tuổi vàng từ bao giờ, lâu rồi hay mới. Người ta chỉ biết cô cậu đã nặng lời thề thốt, nhất định cùng nhau tạc một chữ đồng đến xương. ác nghiệt là cái bà mẫu của cô. Bà ấy cũng như Thúc ông, cố tình nghiêng răng bẻ chữ đồng làm đôi. Là vì có ông chuyên "xếp chỗ ngồi cho khách" ở rạp Hiệp Thành cũng hỏi cô Tuệ làm vợ. Không rõ vợ chính hay vợ thứ. Chùng như thích phùng trò hơn là học trò, nên bà Vũ Thị Định mới tựa vào công mang nặng đẻ đau, bắt cô Tuệ phải bỏ người tình mà lấy cái người "không tình". Cố nhiên cô Tuệ không thuận. Cố nhiên bà Định vẫn cố ép uống.

Nhưng, những sự đó chỉ là việc bất thường trong các gia đình nửa mới nửa cũ. Cái lạ là thứ hình phạt của bà mẫu kia đã dùng để phạt cô Tuệ. Không đánh, không đập, không cần đến thủ đoạn phũ phàng. Bà ấy đưa tuột cô Tuệ vào làng Đồng Quang, phủ Thường Tín, cái làng quê mình. Rồi thì bà ta nhốt luôn cô ấy vào buồng và đóng thật chặt các cửa. Sợ cô ấy còn có thể trốn, bà Định lại dùng xích sắt xích chân con gái vào chân mình nữa. Nhiều người thấy vậy cho rằng vị hiền mẫu ấy đã xử với con một cách tàn nhẫn. Nhưng mà xét cho kỹ ra, có lẽ nó không tàn nhẫn tí nào, chẳng qua bà ta cũng chỉ vì hiểu làm một câu Truyện Kiều mà thôi. Cuốn Kiều chẳng có chỗ nói: "Buộc chân tôi cũng xích thằng nhiệm trao" à? Chắc là bà đó cho rằng "xích thằng" tức là xích sắt, nên mới dùng nó "trao" cho con gái. Nhưng sao bà ta lại không xích cô Tuệ vào chân ông "xếp chỗ ngồi" của rạp Hiệp Thành, mà lại xích vào chân mình. Chỗ đó cũng khó hiểu một chút. Đáng lẽ bữa nay là ngày cô Tuệ phải xích về nhà ông "xếp chỗ ngồi" của rạp Hiệp Thành. Vì lệnh bà mẫu cô ấy giục phải cưới đi, kéo chậm nữa, e rằng xích không giữ nổi. Nhưng, cậu học sinh Hàng Nón còn đi trình Cấm, và nhờ các nhà đương sự can thiệp, không rõ tấn tuồng đã diễn đến cảnh gì rồi. Dù cho diễn đến cảnh nào đi nữa, thì cô Tuệ cũng không thể vượt quyền bà mẫu kết duyên với cậu học sinh Hàng Nón, nếu như bà ấy không thuận. Bởi vì xứ này không phải là chỗ để chứa những quyền tự do của cá nhân, dầu nó là quyền tự do về sự giá thú. Chẳng thế mà quyền Bắc Kỳ dân luật đã cho chúng ta hiểu rằng: con trai lấy vợ, con gái lấy chồng, đều phải do người gia trưởng làm chủ hôn.

Thế nhưng, nói đại đồ đi, nếu cô Tuệ vì tuyệt vọng về đường nhân duyên mà phải sống khác với tình, thì chẳng có ai bị tội về cái án đó! Nếu thế thì ai giết người?

Bà già đã tám mươi tư, Ngồi trong cửa sổ đưa thư kén chồng

Tôi muốn nói về cụ đồng nghiệp Trung Bắc Tân Văn ở phố Đường Thành. Phải gọi bằng cụ, là vì đối với làng báo Đông Dương, cụ chỉ kém ngài Lục tỉnh Tân Văn vài tuổi mà đối với làng báo Bắc Kỳ thì cụ là bậc thọ khảo hơn hết. Tuy vậy cụ mới sống có 26 năm, nhưng ở cái xứ báo chí luôn luôn chết non chết yếu, bất đắc kỳ tử về chính trị hay về tiền tài thì bấy nhiêu tuổi đã là nhiều lắm. Nếu ta tạm tính một tuổi báo chí bằng hai tuổi người, thì ít ra cụ cũng có cháu tứ đại. Hình như cũng nhận mình là bậc già lão trong xã hội báo giới, cho nên, hàng ngày tuy vẫn nói bàn việc nọ việc kia, mà lúc nào cụ cũng ra thái độ mỗi ngày mỗi suy. Suy như nằm kẻ miệng lỗ. Thấy cái giọng nói rời rạc uể oải của cụ, mấy kẻ hậu tiến đương muốn khuyên cụ xây sẵn một ngôi sinh phần, để phòng bị cho cái tuổi "ngọn đèn trước gió" thì thành linh thấy cụ rao lớn lên rằng: "Xuân Trung Bắc Vui về trẻ trung... Nhớ đón xem..." Té ra cụ tuy tuổi tác, nhưng cũng thích làm đóm như bọn Tiểu thuyết thứ năm bây giờ và Phụ nữ tuần báo độ nọ. si! "Bà già đã tám mươi tư, ngồi bên cửa sổ đưa thư kén chồng", câu ca dao ấy đúng với cái cử chỉ này của cụ. Tuy vậy, chúng ta cũng nên nhớ rằng: sự làm đóm ấy không phải tự cụ mà ra. Cái người làm đóm cho cụ chính là ông Nguyễn Văn Luận, thừa trọng tôn của cụ. Bởi ông ấy còn thích vui vẻ, trẻ trung, nên mới bắt cụ cũng phải vui vẻ trẻ trung như ý muốn của mình. Nhưng mà ông Luận, kẻ tuổi cũng không phải là hạng trai tơ. Ở làng báo ông ấy đã lên bậc "bô", anh em báo giới đã tặng cho ông cái tên "bô" Luận. Ngó bộ trán hói gần đỉnh đầu, người ta có thể đoán rằng tỳ nữa bô sẽ sáu chục tuổi. Thế mà bô còn thích vui vẻ, trẻ trung: thật là nhân lão tâm bất lão. Nói vậy thì nói, không phải tôi dám chê bai gì bô. Có nhiên trên đời ai cũng kính trọng người có tuổi. Nhưng tự các bậc có tuổi, phần nhiều lại ghét cái già, chỉ muốn người ta coi mình là hạng còn tơ. Các bạn không tin hãy coi ở các đường phố Hà Nội thì biết. Trên các đường phố Hà Nội, nhất là phố Paul Bert biết bao nhiêu bà mắt đã lốm, má đã hóp, có khi mái tóc đã bạc gần nửa. Nhưng vẫn gia công tô son đánh phấn, kẻ lông mày, nhuộm má đào và vẽ môi trái tim, để hồng kéo cái xuân xanh ở lại. Với những bà ấy, nếu kẻ nào vô phúc mà chào là cụ, tuy có xứng đáng, nhưng không khéo sẽ bị nguyên rửa một hồi. Bô Luận có lẽ cũng cùng một tâm lý với mấy bà ấy. Bô không thích già, không muốn cho cụ Trung Bắc nhà mình mang tiếng già, nên mới cố bắt cụ phải vui vẻ trẻ trung trong dịp năm mới. Tiếc thay bô là đàn ông.

Giả sử trời cho là đàn bà, quyết là phen này bô phải cạo răng đen, cạo lông mày, để lượt thướt với bộ quần áo tân thời, dù mà hàm răng của bô sắp rụng. Chúc bô vui vẻ trẻ trung. Và khuyên anh em thợ in ở nhà in Trung Bắc, tết này đừng mừng tuổi bô. Vì mừng tuổi bô tức là rửa bô.

Bắc Ninh cầu cứu

Lật sang trang sau, các bạn sẽ thấy bức thư của mấy ông hội viên hàng tỉnh Bắc Ninh gửi lên toàn quyền, quan thống sứ và ông hội trưởng của hội Phở té Bắc Kỳ xin phát chẩn cho nhân dân mấy huyện của tỉnh ấy. Đọc hết bức thư ấy, có khi các bạn sẽ không cảm được nước mắt, nếu các bạn là người dễ cảm. Từ ngày dân chúng Bắc Kỳ có người thay mặt đến giờ, chưa có ông hội viên hàng tỉnh hay ông nhân dân đại biểu nào nói đến tình cảnh của dân một cách thiết tha như bức thư ấy. Đó không phải là các ông hội viên ấy đã cố viết ra lời văn cảm động. Chỉ vì cái sự thực làm tài liệu cho bức thư ấy vốn là những cảnh

đau đớn vô cùng. Nếu không tiện về tận những hạt đang bị dày dọ, các bạn hãy cứ giở tờ Việt Báo tháng trước và tờ Đông Pháp gần đây, hoặc là sang đầu cầu Đuống mà coi, chúng ta sẽ thấy vô số dân đói đã cách xa sự sống nhiều lắm, tuy rằng họ vẫn chưa chết. Những kẻ ngắc ngoải muốn chết đó, phần nhiều là dân các huyện Lang Tài, Gia Bình, Thuận Thành, Quế Dương, Võ Giàng, Tiên Du và Đông Ngàn nữa. Trong mấy huyện khổ đó, nhất thì Lang Tài, Gia Bình, Thuận Thành. Đòi họ chỉ sống bằng nghề làm ruộng, vậy mà hai năm bị hai trận lụt nước sông, lại kèm một trận "tiêu khô cháy đồng" ở giữa, như thế đến cỏ cũng chết đừng nói người. Ai đáng phải chịu trách nhiệm với họ trong những tai nạn thảm khốc ấy? Ngày xưa thì đổ cho trời, nhưng bây giờ... ít nhất cũng phải truy vào sở Lục lộ Bắc Ninh. Hàng năm, họ phải nuôi sở Lục lộ bao nhiêu thuế bách phân và các thuế khác, chỉ nhờ sở ấy trông nom đề điều cầu cống cho mình. Vậy mà người ta cứ để cho họ luôn luôn phải lụt, phải hạn hán, rồi phải chết đói. Kẻ cũng nhẫn tâm. Giả sử ở đời mà có công lý và nhân đạo, tất nhiên họ sẽ được tiền bồi thường xứng đáng với sự thiệt hại. Những việc bồi thường như thế, với chính phủ cũng không lạ gì. Bởi vì chính phủ thực hành đã quen, nhất là người Pháp, thí dụ như việc vừa rồi bồi thường một vạn đồng cho nhà thầu khoán Soyez-Lucien về sự thiệt hại trong khi làm cầu cho đường xe lửa ở Song Long Song. Nhưng họ là dân nhà quê, vạn đời không dám mong cái hân hạnh như nhà thầu khoán người Tây. Trái lại họ chỉ muốn được đi ăn xin trong khi vì sự bất lực của sở Lục lộ mà tan nát tài sản. Song sự ăn xin của họ ở tỉnh Bắc Ninh bây giờ cũng đã tuyệt vọng.

Người ta đã lấy cơ sự phát ra bệnh dịch tả mà phá cái nhà tế bần Đạm tráng để đuổi họ đi. Hơn nữa, người ta còn cắt người canh gác các đầu đường, không cho họ được lai vãng vào trong thành phố! Thì ra họ chỉ vì một cái tội "đói" mà đã bị tỉnh Bắc Ninh khép án trục xuất và cầm lưu trú. Không hiểu cái chính sách ấy là chính sách gì vậy? Dưới cái chính sách kỳ quái đó, họ bị ma đói giết chết đã nhiều, những kẻ sống sót đến bây giờ, chỉ còn cách mong vào cuộc phát chẩn của chính phủ. Cái đó, họ được quyền mong. Là vì từ khi nghe tin Bắc Kỳ có nạn vỡ đê, các nhà từ thiện quyên giúp cũng nhiều, riêng một số tiền của bên Pháp gửi cho cũng đã đến 18 vạn. Hoặc giả trước kia vì không ai kêu, chính phủ chưa kịp xét đến tình cảnh quá khổ của họ.

Bây giờ các ông hội viên Bắc Ninh đã bày tỏ một cách rõ rệt, chắc là chính phủ cũng phải cảm động. Với cái nạn dịch tả ở phủ Thường Đức tỉnh Hồ Nam bên Tàu, chính phủ còn hảo tâm giúp họ 50 vạn ống thuốc trừ tả, hưởng chi với dân Bắc Ninh, một tỉnh cạnh vách Hà Nội, lẽ nào chính phủ lại không đoái thương đến họ? Chúng tôi tin rằng cái đơn của mấy ông hội viên Bắc Ninh sẽ có hiệu quả. Điều nên nói là, nhân dân trong mấy huyện ấy, chịu đói, chịu khổ đã hơn hai năm, họ sống được đến ngày nay cũng là cố lắm. Nhiều kẻ chỉ chực chờ chết. Trên hai con đường Bắc Ninh - Phả Lại và Hà Nội - Thái Nguyên luôn luôn có người chết đói nằm ở ven đường. Đó là chưa kể ở các thôn quê còn có những kẻ không đi được nữa. Chính phủ có thương đến họ thì việc phát chẩn cũng nên tìm cách giản dị, mau chóng. Nếu lại theo cái kiểu mọi ngày, tư về quan tỉnh để quan tỉnh bắt các phủ huyện kê khai số người đói khổ trong hạt, rồi mới đưa tiền đưa gạo về phát, thì có nhiều người sẽ không thể sống được đến lúc lĩnh gạo phát chẩn mà ăn.

Bãi nước bọt trên mặt một ông tuần phủ

Đây là mặt ông Nguyễn Doãn T... tuần phủ hưu trí, hiện đang làm việc thả lãi và vẫn vui cảnh "cổ viên tùng cúc" ở làng Du Lâm. Bãi nước bọt ở trên mặt ngài không phải nước bọt của các cô nhỏ, cậu nhỏ nhà ngài, mà là nước bọt của ông Nguyễn Phương Đ... nguyên thông phán phủ toàn quyền, cùng họ với ngài và đang làm chánh hội làng Du Lâm. Lịch sử bãi nước bọt ấy hơi dài. Số là ở làng Du Lâm, họ Nguyễn của ông T... và ông Đ... thuần túy là một quý tộc, đã lắm quan, lại đông người hơn hết các họ bách tính. Xưa nay quyền chánh trong làng đều ở họ này, mấy họ khác chỉ là bọn phục tùng mệnh lệnh. Đối với họ Nguyễn, dân làng Du Lâm quen gọi bằng tiếng "quan họ".

Vậy mà từ ngày nhận chức chánh hội, ông Đ... lại không trị dân bằng chế độ phong kiến. Nghĩa là ông ấy không muốn cách biệt với bọn bách tính, cho họ được ngồi ngang với mình khi bàn các việc của làng. Hơn nữa, ông ta còn làm mấy việc chỉ có lợi cho bình dân, không lợi cho quý tộc. Một người đại thân phong thể như ông T... cố nhiên không thể vui lòng với những chứng bệnh lạ lùng ấy của ông Đ... Mích lòng cụ lớn hơn hết là việc quân cấp công điền mà ông Đ... cố ý muốn làm. Làng Du Lâm chẳng phải là xóm Hoa Lâm của nhà Lý à? Công điền làng ấy đã chiếm một phần rất lớn trong địa giới! Nhưng mà đến hồi gần đây, số ruộng công ấy bị hóa thành ruộng tư rất nhiều, những ruộng chia cho trai làng chỉ có độ hơn một nửa. Thành linh có lệnh của ông công sứ Bắc Ninh bắt phải chia lại số ruộng công ấy. Nếu là người không muốn lòi thối mất công, thì thôi, ruộng công còn bao nhiêu, chia cho dân đình bấy nhiêu, miễn là công bằng, dân cũng nhớ ơn lắm rồi. Ông Đ... không thể, cứ muốn theo đúng địa bạ Gia Long, móc hết những số ruộng công đã bị hóa làm ruộng tư mà chia luôn thể. Cái khó

chịu của ông T... là ở chỗ đó. Bởi vì trong những ruộng tư của ông tuần này lại có một thửa hay nhiều thửa đã bị ông Đ... và dân làng Du Lâm giở đến căn cước của nó mà bảo nó là ruộng công ngày xưa. Việc đó tuy rằng đích thực, không thể chối cãi, nhưng ông T... vẫn có quyền xích mích với ông Đ... Cách đây không lâu, bỗng có lá đơn của mấy ông tộc biểu đệ lên tòa sứ Bắc Ninh kiện ông Đ... về mười sáu khoản hà lạm. Theo sự dò la của ông Đ... thì vụ kiện ấy do ông T... cầm đầu cho lũ nguyên đơn. Với một người đã có bộ mặt Châu Xương như ông Nguyễn Phương Đ..., vụ kiện không có sự thực kia chính là mớ lửa đốt cho con giận bùng lên. Một hôm, giữa đám cỗ của người trưởng họ, ông Đ... hỏi thẳng ông T...:

- Có phải anh đã sai lũ tộc biểu đi kiện tôi không? Lẽ tự nhiên là ông T... phải chối. Ông Đ... chỉ mặt ông T... nói tiếp:

- Thế thì anh là kẻ hèn nhất, không có can đảm tự nhận cái việc mà mình đã làm, tôi phải nhỏ vào cái mặt hèn nhất của anh. Rồi một bãi nước bọt từ miệng ông Đ... nhảy luôn sang mặt ông T... Chuyện vẫn chưa hết. Ông T... còn lấy nhiều người làm chứng mà kiện ông Đ... Ở tòa sứ Bắc Ninh. Khi ấy, ở tỉnh Bắc Ninh người ta đã xét ra rằng mười mấy khoản của bọn tộc biểu đệ kiện ông Đ... đều là vu khống. Đến lúc nhận được đơn kiện của ông T..., ông sứ nói với ông tổng đốc Bắc Ninh như vậy:

"Nếu ông tuần phủ Nguyễn Doãn T... cũng có công tâm lo lắng việc dân như ông chánh hội Nguyễn Phương Đ... thì chúng ta không phải mất công xét xử những chuyện lật vật như thế này". Vụ kiện còn đang xét hỏi chưa xong, thì ông T... theo lời điều đình của người trong họ, lên tỉnh xin rút đơn ra. Ngài không kiện ông Đ... nữa. Bấy giờ việc mới

kết liễu. Chuyện này xảy ra, những người trong tỉnh Bắc Ninh đều biết. Họ đã thì thầm hỏi nhau:

"Không biết lúc ấy ông T... có rửa mặt không?". Chắc không, vì cụ lớn là một viên quan thâm nho, mà trong sách nho đã chép một chuyện rất hợp với chuyện của cụ. Ấy là chuyện Lâu Sư Đức. Lâu Sư Đức nhà Đường có người em được cử làm thái thú châu Đại, khi hắn sắp sửa tới nhậm, ông ta có dặn cần phải tốt nhệm. Hắn nói:

"Từ nay nếu ai nhổ vào mặt tôi, tôi cũng chùi đi mà thôi". Sư Đức chưa cho là phải, và bảo thêm rằng:

"Người ta nhổ vào mặt mày là giận mày đó. Nếu mày chùi đi càng khích cho họ giận thêm. Phải để cho nó tự nhiên khô đi". Thiên quan châm ấy có ghi trong bộ Đường thư. Ông T... khi mới xuất chính ắt đã đọc rồi. Thế thì trong lúc làm quan, ông T... chắc biết trước mình sẽ có ngày phải thực hành câu nói của Lâu Sư Đức. Bây giờ huu rồi, việc mới xảy ra, đó cũng là may mắn lắm. Rửa chỉ cho tốn nước và hại xà phòng!

Báo tân Việt Nam và vợ Chu Mãi Thần

Bạn đọc chắc không ai lạ gì anh Chu Mãi Thần. Hắn là người đời nhà Hán bên Tàu, một tay có tài mà vẫn nghèo xác, nghèo xơ, ngày ngày phải trông vào nghề kiếm củi mà sống. Thế nhưng, hắn vẫn tin rằng mình vẫn có ngày phú quý. Những khi vai đeo gánh củi, hắn thường vừa đi vừa hát, ra bộ rất ung dung. Vợ hắn không chịu nổi cảnh cùng quần của gia đình, một hôm phát cáu hỏi chồng. Cái ngày phú quý của anh sẽ là ngày nào? Hắn bảo mười hai năm nữa. Bây giờ hắn năm mươi tuổi rồi, đợi đến mười hai năm nữa mới được phú quý thì phỏng còn gì là đời. Nghĩ vậy, chị ta bèn xin lá dị đi lấy người khác.

Thế rồi, mười hai năm sau hắn được vua Hán cho làm tể tướng. Chị vợ nghe tin lại bỏ chồng mới trở về thăm hắn và xin đoàn tụ như xưa. Hắn liền đưa cho chị ta bát nước, bảo hắt xuống đất rồi lại hót lên, nếu còn nguyên như trước, thì hắn sẽ lại cho về làm vợ. Ấy là chuyện vợ Chu Mãi Thần đại khái là thế. Cái đời Tân Việt Nam cũng giống như vậy. Một ông đã thoái ngũ ở hội Thanh niên đồng chí, một ông bị trục xuất ở cuộc vận động Đông Dương Đại hội và một ông nữa... khó nói lắm, xin thôi không nói, với những quá khứ quý hóa ấy, không cần nói đến lịch sử người ta cũng đủ trông thấy bộ óc "xã hội" của họ là thế nào rồi! Huông chi mỗi ông lại có một thiên lịch sử rất đẹp, nhiều người biết rõ, trừ ra chi nhánh của đảng xã hội SFIO... Ấy thế mà không ai bảo ai, cả ba ông ấy lần lượt đều xin vào đảng xã hội. Cố nhiên họ không thêm biết chủ nghĩa xã hội là tai ếch hay là đầu cua. Mục đích vào đảng của họ, chỉ cốt mượn tiếng đảng ấy làm thang để trèo lên ghế nghị viện, trong kỳ sắp tới. Chi nhánh của đảng xã hội SFIO ở đây chỉ cần đông người, không cần giữ danh dự của đảng, cho nên người ta cứ nhận bừa họ làm đảng viên. Phờng trờ ra hề còn phải bôi mực một lượt nhọ vào mặt, chứ họ đóng vai đảng viên xã hội, không hề dính tí "son" nào của quốc tế thứ hai, từ ngoài mặt cho đến trong óc. Thế nhưng, trót đã đeo cái nhãn hiệu xã hội, tất nhiên họ phải theo đuôi quần chúng để hồng lượng gạt quần chúng. Bởi vậy trên báo Tân Việt Nam, họ phải luôn luôn bung miệng không cười mà hô những tiếng "Anh em thợ thuyền", "chị em lao động". Họ chỉ "anh em" "chị em" ở trên mặt báo, nghĩa là anh em chị em với 4 đồng xu mua một số báo mà thôi. Thật thế, nếu ai mà bắt gặp họ gọi người cùng dân là anh là chị hay là em khi đứng trước mặt những người ấy, thì tôi xin đi đăng đầu.

Họ tưởng chỉ hô "anh em", "chị em" sẽ có thể bị được quần chúng tức thì. Chẳng ngờ quần chúng xứ này bây giờ khôn lắm, họ hô mặc họ, không ai thềm thừa. Bởi thế họ đã đổi với chủ nghĩa xã hội mà quay ra quảng cáo cho đế quốc Nhật. Cái cảm tình của họ đối với quần chúng khi ấy thật chẳng khác gì cảm tình của vợ Chu Mãi Thần đối với chồng khi thấy chồng nghèo mà xin đi lấy người khác. Giả sử đế quốc Nhật nuôi sống được họ thì họ đã đặt quần chúng xuống dưới gót chân từ lâu rồi. Chỉ vì sợ đế quốc Nhật cũng chẳng được ăn là bao, cực chẳng đã họ lại quay vào mặt thợ thuyền lao động mà hô anh em, chị em. Lần này, quần chúng không những không thừa, lại cho họ biết một bài học. Bài học ấy họ nhận thấy khi đón từng ôm báo của nhà dây thép hàng ngày đưa lại và khi xem sổ kết toán hàng tháng của các đại lý bán báo. Những bài học đáng "tỉnh người ra". Vì thế, hồi này họ hô "anh em", "chị em" càng riết để hồng cổ lừa quần chúng cho được. Thấy cái cảnh "có hô mà không có ứng" của họ thật cũng đáng thương. Nhưng bát nước đã hắt xuống đất, hót lại sao được? Vợ Chu Mãi Thần ngày xưa, chỉ có thể mà xấu hổ đến phải tự tử.

Chủ nghĩa "tự do luyện ái" đã lan đến giới thần thánh

Những người ở qua Nam Kỳ, phần nhiều đều nghe cái thiêng của thần làng Phong Phú, một làng thuộc quận Thủ Đức, chỉ cách Sài Gòn độ 4 cây số. Bởi vì, người ta tin rằng thần ấy thiêng lắm, cho nên hàng năm, cứ đến ngày rằm tháng giêng thì ở Sài Gòn Phú Nhuận, Gia Định và nhiều nơi khác, những nhà buôn bán, nhất là các cô, tấp nập kéo đến đình làng Phong Phú mà lễ. Để làm gì? Bà con cầu khẩn thần ấy phù hộ cho mình phát tài. Có người xin vay tiền của thần làm vốn, cũng như những ông lái thuyền nước mắm Thanh-Nghệ ngày xưa hay vay tiền của bà Liễu Hạnh ở Phủ Giày vậy. Không biết thần ấy thuộc về loài gì, nhưng chắc ngài là giống đực. Vì vậy hồi này ở vùng Sài Gòn mới có tin đồn thầy ấy sắp sửa cưới vợ. Thiên hạ kéo nhau đi coi rất đông. Té ra chuyện thật không phải chuyện bôn.

Cuộc tốt lành ấy đã cử hành trong hôm mới đây, chưa rõ họ nhà gái là những ông nào, bà nào, người ta chỉ nói họ nhà trai toàn là hương chức của làng Phong Phú. Bữa đó, họ đã khăn đen áo dài, đi đón dâu về cho thần rồi. Cô dâu là một thiếu nữ mới 17 tuổi, con gái một ông đương chức cũng ở làng ấy. Trong đám cưới của người trần, thì cuộc đuốc hoa phòng động nhất định phải về ban đêm. Nhưng mà trong đám cưới này, thì cô dâu vừa vào tới đình, liền bị ngã ngựa ra đó và nằm bất tỉnh nhân sự, như đương trải qua một cuộc ái ân đầm thắm vậy. Sao thế nhỉ? Hay các đức Thượng đẳng ấy đã dám lấy ngày làm đêm? Có lẽ ngài vì không vợ đã lâu, trong mình đã rạo rục quá, không thể nhịn được đến tối, mà phải nhập phòng ở trước công chúng đó chẳng!

Thần thì người ta phải chịu, chứ nếu người trần mà làm cái việc bất nhã như vậy, ít ra cũng bị đội xếp giải bắt về bót. Bởi vì ông thần đã làm việc quá ư sỗ sã như vậy, cho nên trong Nam nhiều người không tin đám đó là đám cưới thần. Họ bảo đó là những kẻ xảo quáệt bày vẽ ra để lợi dụng lòng mê tín của bọn ngu dại mà làm tiền. Cái đó kể cũng có lý. Trong cái buổi đời tai quái, người ta có thể giả làm nhà báo, giả làm tín đồ của đạo Phật để xoay tiền của thiên hạ, thì cũng có kẻ giả vợ cưới vợ cho thần để kiếm tiền của kẻ ngu khờ. Nhưng theo ý tôi, sự ức đoán ấy chưa chắc đã đúng. Giả sử trong chỗ không thể

trông thấy, sờ thấy, mà không có gì thì thôi, chứ nếu đã có thần thánh, thì cái sự thần đi cưới vợ, không thể bảo là không có. Cung oán ngâm khúc đã có một câu chí lý mà rằng: Có âm dương có vợ chồng Dầu từ thiên địa cũng vòng phu thê Coi đó thì biết trời đất còn có vợ có chồng, huông chi là thần. Thần thánh tuy ở cao xa, nhưng đến tính tình chẳng qua cũng như bọn mình. Các ngài chắc đã từng thấy những ông đã hai, ba vợ kè kè, thế mà nhiều lúc vẫn giải trí bằng cô đào hay bằng me Tây, gái xăm. Nữa là thần thánh quanh năm suốt đời, vò võ nằm một mình trong cái gian đèn hiu quạnh thì chịu thế nào! Trâu khát nước làm sao thì bò khát nước làm vậy. Đó là một sự tất nhiên. Điều hơi lạ là các đám cưới gả người trần, phần nhiều phải qua mối lái, phải có lời cho phép của cha mẹ, ông bà, thì mới là đám đứng đắn. Đàng này, ông thần Phong Phú đi lấy bà ấy, chẳng rõ có ai làm mối hay không, chứ lời cha mẹ, ông bà thì quyết không có. Đó là một chỗ theo luận lý cũ, có thể dị nghị. Nhưng theo luận lý mới thì không hề chi, trai gái của nước Việt Nam có thể tự do luyện ái chứ sao! Thế thì chủ nghĩa "tự do luyện ái" đã lan đến thế giới thần thánh rồi vậy. Chúng ta cũng mừng cho anh chị em quí thần đã tiến được một bước khá dài.

Những người ở qua Nam Kỳ, phần nhiều đều nghe cái thiêng của thần làng Phong Phú, một làng thuộc quận Thủ Đức, chỉ cách Sài Gòn độ 4 cây số. Bởi vì, người ta tin rằng thần ấy thiêng lắm, cho nên hàng năm, cứ đến ngày rằm tháng giêng thì ở Sài Gòn Phú Nhuận, Gia Định và nhiều nơi khác, những nhà buôn bán, nhất là các cô, tấp nập kéo đến đình làng Phong Phú mà lễ. Để làm gì? Bà con cầu khẩn thần ấy phù hộ cho mình phát tài. Có người xin vay tiền của thần làm vốn, cũng như những ông lái thuyền nước mắm Thanh-Nghệ ngày xưa hay vay tiền của bà Liễu Hạnh ở Phủ Giày vậy. Không biết thần ấy thuộc về loài gì, nhưng chắc ngài là giống đực. Vì vậy hội này ở vùng Sài Gòn mới có tin đồn thầy ấy sắp sửa cưới vợ. Thiên hạ kéo nhau đi coi rất đông. Té ra chuyện thật không phải chuyện bỡn.

Cuộc tốt lành ấy đã cử hành trong hôm mới đây, chưa rõ họ nhà gái là những ông nào, bà nào, người ta chỉ nói họ nhà trai toàn là hương chức của làng Phong Phú. Bữa đó, họ đã khấn đen áo dài, đi đón dâu về cho thần rồi. Cô dâu là một thiếu nữ mới 17 tuổi, con gái một ông đương chức cũng ở làng ấy. Trong đám cưới của người trần, thì cuộc đuốc hoa phòng động nhất định phải về ban đêm. Nhưng mà trong đám cưới này, thì cô dâu vừa vào tới đình, liền bị ngã ngửa ra đó và nằm bất tỉnh nhân sự, như đương trải qua một cuộc ái ân đằm thắm vậy. Sao thế nhỉ? Hay các đức Thượng đẳng ấy đã dám lấy ngày làm đêm? Có lẽ ngài vì không vợ đã lâu, trong mình đã rạo rục quá, không thể nhịn được đến tối, mà phải nhập phòng ở trước công chúng đó chẳng!

Thần thì người ta phải chịu, chứ nếu người trần mà làm cái việc bất nhã như vậy, ít ra cũng bị đội xếp giải bắt về bót. Bởi vì ông thần đã làm việc quá ư sỗ sã như vậy, cho nên trong Nam nhiều người không tin đám đó là đám cưới thần. Họ bảo đó là những kẻ xảo quạet bày vẽ ra để lợi dụng lòng mê tín của bọn ngu dại mà làm tiền. Cái đó kể cũng có lý. Trong cái buổi đời tai quái, người ta có thể giả làm nhà báo, giả làm tín đồ của đạo Phật để xoay tiền của thiên hạ, thì cũng có kẻ giả vờ cưới vợ cho thần để kiếm tiền của kẻ ngu khờ. Nhưng theo ý tôi, sự ức đoán ấy chưa chắc đã đúng. Giả sử trong chỗ không thể trông thấy, sờ thấy, mà không có gì thì thôi, chứ nếu đã có thần thánh, thì cái sự thần đi cưới vợ, không thể bảo là không có. Cung oán ngâm khúc đã có một câu chí lý mà rằng: Có âm dương có vợ chồng Dầu từ thiên địa cũng vòng phu thê Coi đó thì biết trời đất còn có vợ có chồng, huông chi là thần. Thần thánh tuy ở cao xa, nhưng đến tính tình chẳng qua cũng như bọn mình. Các ngài chắc đã từng thấy những ông đã hai, ba vợ kè kè, thế

mà nhiều lúc vẫn giải trí bằng cô đào hay bằng me Tây, gái xăm. Nữa là thần thánh quanh năm suốt đời, vò vò nằm một mình trong cái gian đền hiu quạnh thì chịu thế nào! Trâu khát nước làm sao thì bò khát nước làm vậy. Đó là một sự tất nhiên. Điều hơi lạ là các đám cưới gã người trần, phần nhiều phải qua mối lái, phải có lời cho phép của cha mẹ, ông bà, thì mới là đám đứng đắn. Đàng này, ông thần Phong Phú đi lấy bà ấy, chẳng rõ có ai làm mối hay không, chứ lời cha mẹ, ông bà thì quyết không có. Đó là một chỗ theo luận lý cũ, có thể dị nghị. Nhưng theo luận lý mới thì không hề chi, trai gái của nước Việt Nam có thể tự do luyện ái chứ sao! Thế thì chủ nghĩa "tự do luyện ái" đã lan đến thế giới thần thánh rồi vậy. Chúng ta cũng mừng cho anh chị em qui thần đã tiến được một bước khá dài.

Cô Tây hoễn

Gặp phải cảnh mẹ chồng cay nghiệt, cô Hoễn cấp áo trốn nhà ra đi, đoạn tuyệt với anh chồng lưng đen, khó bện, từ già cái cảnh cà chua mắm mặn, với cái đời chân lấm tay bùn. Cô đi đâu? Bẵng đi sáu bảy tháng trời, biệt vô âm tín khiến cho hai họ xảy nhiều điều xéch méch. Bỗng một hôm, lũ trẻ chăn trâu tới tấp chạy về làng, hoảng hốt báo:

"Có tây về làng ta!" Các tướng nấu rượu lậu nhón nhác xô nhau cất dọn giấu giếm, cả cái lão trùm Đầu đương du dương say tỉnh với mấy phen thuốc phiện ngang cũng vội nhóm dậy lên ra đầu nhà vứt cái hén thuốc xuống ao! Tây càng đi gần tới, lũ trẻ càng xô nhau chạy, mọi người đứng trong bụi hàng, hay nấp trong cổng nhìn ra:

Một anh tây lính mũi lõ râu xồm, mình cao, bụng phệ, dắt chiếc xe đạp đi bên cạnh một người đàn bà phần son sặc sỡ, quần áo lam, giày cao gót, chiếc ô xanh biếc, chiếu xuống bộ mặt phần bị mồ hôi loang lổ, bộ răng trắng nhom nhem khắp khênh như rã rụa với bộ môi cong mỗi khi cười nói. Bộ răng ấy, bộ môi ấy đã làm cho dân làng nhận được là cô Hoễn, con ông đĩ Hoét! Đi sau là một cụ già khệ nệ vác chiếc va li to kẹch. Lũ trẻ quê ngờ nghếch chấp hai tay lên cổ, háp háp trông theo, các "chủ lò rượu" yên tâm, chỉ lão trùm Đầu tha thiết tiếc mấy phen thuốc phiện, giậm chân, đạp cẳng, lằm bằm chửi bâng quơ cho hả giận rồi vào! Một bữa cơm thết chàng rể mà cảnh nôn nao rộn rịp như trong làng có loạn, nào xua gà, đuổi cá, chuốc từ nải chuối, kén từ mớ rạ, vát vả nhất là ông anh đi lùng mua rượu, bánh. Trong khi ấy thì cô tây Hoễn dắt đức lang quân đi khắp đình chùa miếu mạo. Ông đĩ Hoét cũng áo the khăn lượt dẫn theo sau, giảng giải từ bệ tế thần nông tới văn chỉ tế thánh Khổng, mở rộng cửa đình cho con rể xem chỗ phụng tự, chỗ ăn ngồi. Sau những tiếng rụt rè nhỏ nhẹ của ông đĩ Hoét, cô Hoễn lại cong môi chĩa răng ra thông ngôn lại bằng một chuỗi tiếng bồi, lũ trẻ chạy theo xem cũng học lỏm được mấy chữ "lúy phe", "lúy điếc".

Bác lính tây lúc bấy giờ trông hiền lành ngoan ngoãn tệt! Chẳng thế mà mỗi lần đi ra xa một tý, cô Hoễn gằm lên một tiếng "sê ghi" mà chậm lại, là cô nhả tiếng ta chửi thống cho một hồi, chỉ thấy anh Tây há hốc mồm ra cười, chứ không hầm hầm độc dữ như mấy anh tây đoan về bắt rượu mọi ngày. Cô Hoễn càng thấy dân làng đổ ra xem, lại càng trở tiếng tây dữ! Vừa nói vừa khua tay mua chân cười nói tự nhiên, nhưng cũng nhiều người chê là lộ bịch! Chiếc va li trong đựng những gì? Đó là những khí cụ văn minh của tây đủ cải hóa cả một gia đình ông đĩ Hoét! Ngày thì đây: Của quý mà con gái và con rể đem lại cho ông: một cái kê pi, một cái cát két, hai thứ tiện dụng cho cha và anh lúc cày bừa,

dùng nó che nắng mà không bị gió lật như đội nón, bốn chiếc bành tô vàng đã cũ, hai cái sơ mi đàn ông, ba cái cốc sê viền đăng ten, trông cũng hay hay, bà đi Hoét tính không hay đom đống, chỉ dẫn vài nước nâu là được một cái vừa làm áo vừa làm yếm, tiện biết bao! Đây lại hai đôi giày, một đôi bằng da dưới có đinh lờm chờm, đôi này ông đi sẽ dùng khi có đám thứ việc làm, còn đôi bằng túp thì để cho ông anh khi đi tuần có cái dùng cho đỡ xéo phải gai. Đến cái khăn bông tắm kích nơ, tuy còn lành nhưng hân ố nhiều chỗ. Ông đi Hoét bảo:

Cái này nhân vài nước vò xó để mùa rét làm khăn bịt đầu thì ấm chán! Một cuộn tranh trong có đủ cả ảnh mây tướng Foch, lòe loẹt, những mẫu áo tây gọn ghẽ của hàng thợ may, cô Hoàn mắt trông, tay chỉ cho cả nhà xem những cái hay cái lạ trong quyển cát ta lô nào cái cối xay hạt tiêu, cái cối xay cà phê, cái cối vắt nước chanh, cái cùi dừa, cái phóng sét.

Ai cũng nắc nỏm khen cô thông minh sáng láng, giá không đi ra ngoài, thì đời nào biết được như thế! Cô lại quá cao hứng bắt ông bố đặt tên hai con chó. Một con đặt tên là con phốc để thay tên con cộc, một con đặt tên là ki ki để thay tên là cái! Vì cô rất ghét gọi chó mà lại cứ rống lên êu-êu, cộc-cộc! Cô bắt dọn riêng cho cô một cái chái nhà để cô đem bộ giường về kê, phòng khi đi về có chỗ nằm, hoặc khi chồng đi "man nợ" hay đi "câu lợn" thì cô về ở cho vui. Ngày vui ngắn chẳng đầy gang, vợ chồng cô sắp từ biệt ra đi, ông đi Hoét còn giữ lại việc trả của cho người chồng cũ. Cô trợn mắt nói:

"Thầy mẹ chúng nó, tôi lấy tây thì tôi tức là đâm rồi, đứa nào vô phúc thì động đến lông chân tôi mà chơi, thầy đừng lo! Việc làm ăn cứ chăm chỉ rồi có muốn tậu ruộng tậu vườn, nếu trong làng ai bán thì thầy cứ ra bảo tôi. Thằng này tuy khá, nhưng nó sắp phải về tây, chẳng bòn cũng thiệt".

- Thế "anh nó" không sang nữa ư? Rồi làm thế nào? - Không sang thì thôi, lấy thằng khác, cần gì! Trong khi nói chuyện anh tây lúi húi sửa cái xích xe đạp, cô Hoàn cầm cái ô tần mần xía xuống đất thành những lỗ con, rồi ngược mắt nói:

- Rồi tôi sẽ dắt díu cho lũ trẻ làng ta ra ngoài ấy, dạy dỗ cho tiếng tây thông thạo, phần son vào, ăn mặc vào rồi mỗi manh cho khéo, bùa thuốc cho linh, thay quyền cha mẹ chúng nó mà gả bán cho tây thì phải biết là khá!... Tội gì mà cứ bắt chúng nó chần trâu cắt cỏ ở chôn quê mùa này, khổ bỏ mẹ đi ấy.

Tiếng chuông xe đạp bấm kính coong, báo hiệu giục đi, cô Hoàn nhoèn mẹp nghiêng mình chào bố mẹ, bác lính tây ngả mũ, chìa tay ra bắt tay ông đi Hoét mà bảo:

"Ông già bố cu tốt" kèm theo một tiếng cười ròn rã gửi lại cái nhà tranh. Lũ trẻ chạy theo một cách bạo dạn hơn!

Con cháu khôn hơn ông vải?

Tôi muốn nói hai ông Khổng Đức Chương và Mạnh Khánh Đường, nhân vật hiện thời của nước Tàu. Đức Chương là cháu bảy mươi đời cụ Khổng, ai cũng biết rồi. Còn Khánh Đường bây giờ mới được nhắc tới, tuy chưa có tin nói đích ông đó là con cháu cụ Mạnh, nhưng ông ta đã họ Mạnh, lại ở huyện Châu là quê cụ Mạnh và làm thủ từ đền Y thánh là

chỗ thờ cúng cụ Mạnh thì chắc là con cháu cụ ấy không sai. Cả hai ông ấy hồi này đều được người Nhật biệt đãi. Năm ngoái, khi lấy trời mấy tỉnh Hoa Bắc, những nhà đương cục bên Nhật muốn lập cho vùng đó một cái chính phủ, họ đã đến tận Khúc Phụ (quê cụ Khổng) cố rước Đức Chương sang Bắc Bình để mần vua.

Mới rồi, khi một đạo quân Nhật kéo đến huyện Châu, viên tướng chỉ huy đạo quân ấy cũng đến tận đền Y Thánh xin vào ra mắt Khánh Đường, hòng nói năm ba câu chuyện, chắc cũng định dựng cho ông ta một chức gì đó. Nếu như theo đúng "đạo thống" tổ truyền, thì hai ông Khổng con Mạnh con, tất nhiên phải hoan nghênh người Nhật chẳng mần vua thì mần quan, chẳng giữ chức lớn thì giữ chức nhỏ. Nhưng mà không:

Đức Chương thì viết thư từ chối người Nhật, còn Khánh Đường thì một mực khăng khăng, thà chết không chịu tiếp kiến tướng Nhật. Thật là con cháu khôn hơn ông vãi! Cụ Khổng, cụ Mạnh ngày xưa đâu có khó tính như vậy? Hai cụ ấy tuy đẻ cách nhau hơn một trăm năm, nhưng là thầy trò với nhau, thầy trò bằng lối cách bức, và cái "đạo" của các cụ, nhiều chỗ giống nhau như tạc, nhất là hai cái chủ nghĩa: hành đạo và tùy thời. Hành đạo, nói một cách nôm na, tức là làm quan, làm quan để thực hành đạo giáo của mình. Mà tùy thời? Cắt nghĩa một cách không cho ai hiểu, thì là... tùy thời (!) Khổng Tử sính làm quan lắm. Cứ như Trang Tử đã nói thì chính mình cụ đã đem "đạo" đi rao với 72 ông vua, dẫu ngựa, bụi xe của ngài khắp cả các nước, rút lại vẫn không đắt hàng. Cùng quá, đến nỗi hai anh tướng giặc nước Lỗ, cái "nước cha mẹ" của ngài, trong khi chiếm đất làm loạn, muốn mời ngài đến giúp việc, ngài cũng định đi với họ. Đó là một nghĩa tùy thời.

Mạnh Tử cũng vậy. Tuy không "bệ kiến" nhiều vua như cụ Khổng, nhưng với vài chục cỗ xe đi trước vài chục đầy tớ đi sau, cụ này đã ăn khắp lượt mấy nước chư hầu và đã yết kiến vua Tuyên nước Tề, vua Huệ nước Lương, cho đến vua Văn nước Đằng, một nước giạt gấu vá vai mới được năm chục dặm đất, cũng có dịp được gặp cụ nữa. Câu quyền với các vua ấy như thế, không phải cụ ấy có thiết gì danh vị, chỉ cốt làm quan để thực hành cái "đạo" của mình. Đó là cụ cũng tùy thời như cụ Khổng vậy. Ấy đó, hai cụ tùy thời một cách dễ dãi như vậy, mà sao lại sinh ra hai ông cháu khó tính thế kia?

Cứ để cho nó chết

Vừa rồi, bác cựu binh Nguyễn Văn T... người làng Tứ Kỳ, tổng Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Đông tìm tới cái chết tại hồ Hoàn Kiếm Hà Nội chỉ vì đã mất 4, 5 trăm đồng bạc để khao vọng vào ngôi tư vấn, mà chánh hội và tiên chỉ làng ấy không cho vào chủ tế. Bị ức, bác phải thưa quan, mà quan cũng không xử cho. Giá tôi là bác phụ lục lộ của thành phố được chứng kiến lúc bác T... nhảy xuống hồ, khi cứu lên mà được biết cái nguyên nhân đã làm cho bác chán đời muốn chết trong thư tuyệt mệnh thì chẳng những tôi không cứu, không can không dẫn về cảnh, lại muốn dìm xuống cho bác T... chóng chết là khác nữa!

Cái tư tưởng ấy tuy có khốc liệt một chút nhưng tôi muốn khu trừ cái nọc độc mà Trần Thủ Độ xưa kia đã gieo cho dân một cái thảm họa tới nay chưa dứt được. Bày ra một cái triều đình giả dối, lấy ông thần gỗ tôn lên ngôi báu, lấy tổng lý làm công khanh, lấy thị

xôi làm bông lộc để họ ham mê áo mũ xênh xang, trống giông cò mở. Những vị thần gỗ ấy, ngoài những đấng anh quân lương tướng mà ngày nay họ dùng làm ông ngáo ộp để trừ tà trị bệnh, bói thẻ cầu mộng, lợi dụng cái lòng mê tín dị đoan của lũ dân khờ dại, lại còn lẫn cả thần ăn trộm, thần ăn mày, thần chết trôi, thần gặp phân, thần loạn dâm. Hơn nữa, lại thờ cả con rắn, con voi, con ngựa. Đấng tối linh của họ đã có cái lịch sử, cái sự nghiệp khôn nạn như thế, thì kẻ sùng bái tất nhiên là những kẻ ngu tham, ngoan ngoan, thẳng khôn ăn vào đẫy, thẳng dại khổ vì đẫy. Thế mà hết đời này sang đời khác, người ta vẫn nhẫn tâm bắt dân đeo cái xích sắt ấy mà lại muốn cho dân cường nước thịnh thì cũng lạ thay! Trong lúc người ta theo làn sóng cạnh tranh tiến hóa, sôi nổi khắp mọi nơi, người ta đang ganh đua tài trí để quyết đấu quyết thắng trong trường hoạt động, tìm lấy cách sống cho xứng đáng, gây lấy cuộc đời cho rục rờ, lập lấy sự nghiệp cho vẻ vang thì dân quê mình hãy còn mờ mịt tối tăm, còn ham mãi tranh xôi cướp thịt, tị nhau chiếu dưới chiếu trên, kiện nhau miếng trâu biểu, bán gia tài cơ nghiệp để chuốc lấy cái hư vinh ông hiển, ông trùm. Không được thỏa thì hồi tâm táng chí, lấy cái chết để rửa hờn rửa nhục! Bác cự binh Nguyễn Văn T... muốn chết cũng thuộc trong tình trạng như trên vừa nói. Cũng là kẻ thụ độc của họ Trần! Nhưng bác muốn chết hay dọa chết đấy? Có lẽ bác dọa chết: vì nếu bác muốn chết thật thì thiếu gì cách chết ở trong làng: treo cổ lên cây, đâm đầu xuống giếng, uống thuốc độc... Nhưng chẳng qua là bác tới đây tìm cái chết để cho có nhiều người cứu sống, mong... tổ cáo cái tội ác của lũ đàn anh kia đã ngăn trở không cho bác cái vinh dự vào "hầu hạ nhà thánh". Tội chúng đã nặng nề mà quan bản hạt cũng làm ngơ. Bác muốn chết thật ư? Giá tôi được chứng kiến lúc bác gieo mình xuống dòng nước, thì tôi rất vui lòng đợi bác chết hẳn rồi mới xuống kéo lên cho khỏi thối nước hồ!

Không những thế, tôi lại mong cho những người có tư tưởng đón hèn như bác theo nhau mà chết để tẩy uế cho thôn quê, giải tội cho đình miếu, trừ cái nọc độc của họ Trần để lại! Kia cái chết của viên thuyền trưởng khi gặp nạn ngoài khơi. Không phải tin mình bơi giỏi, sức khỏe mà không sợ chết, nhưng cái phận sự phải nhường cái sống cho khách đi tàu, tung phao ra, thả xuống xuống, quên mình đi, cứu vớt người thoát nạn, mà cam tâm đợi phút cuối cùng! Cái chết anh hùng ấy, chôn hương thôn chẳng làm gì có, nhưng cũng có người liều thân lặn vào đám cháy cứu lấy sinh mệnh tài sản cho người; cũng có kẻ vì phận sự hộ đê, gặp thảm họa tới nơi cũng cam lòng cho dòng nước trôi đi; cũng có kẻ dám xông xáo trong hội dịch tễ, cứu chữa cho người ốm, chôn cất cho người chết mà không hề quản ngại đến thân. Đó là cái chết vì ích chung, vì đồng loại mà chết, vì lòng nhân mà khổ sở. Tôi nhận cái can đảm ấy, cái khí phách ấy là xứng đáng với đạo làm người. Đáng trọng lắm, đáng kính hương sùng bái lắm! Cái chết của bác cự binh Nguyễn Văn T... nếu được chết thật, bất quá cũng là cái chết vô ý thức. Song dù chết thật hay chết giả, cái tâm hồn ấy có thể nói là tâm hồn bại liệt, không đáng sống trong đời cạnh tranh kịch liệt này. Trước cái tình trạng dân thôn ngày nay, ta có thể quả quyết mà nói rằng còn cái tiêu triều đình giả dối ấy, còn có kẻ hám hư vinh, cơ nghiệp còn đòi bại. Trong chôn hương thôn, gây năm bè bảy bối chỉ vì miếng ăn, chỗ ngồi sinh ra đánh nhau, kiện nhau kẻ bị giết, kẻ tự giết còn đầy rẫy ra đó. Thế mà bè ngoài ta vẫn trông thấy đình rộng trống kêu, cờ điều tán tía, mũ áo xênh xang. Đó chỉ là cái lớp phủ lên trên sự thối tha, dơ dáy, thực cũng thảm thương thay!

Giết người lấy của

Biết vài tiếng Pháp mà không có học thức thì nên đi làm thầy cò. Biết vài chữ Hán mà không có kinh nghiệm về nghề thuốc thì nên đi làm nho ở phủ huyện. Biết mặt vị thuốc mà không có học thức kinh nghiệm về nghề thuốc thì nên gánh bồ về các chợ mà bán thuốc cái, nếu không đủ tiền mở hiệu buôn thuốc sống ở tỉnh thành. Ngày nay không phải là ngày mà những kẻ không đọc sách thuốc, không học nghề thuốc được tự do núp sau những biển "dược phòng", "y quán", "dược xá", "y viện" hay "gì gì đường" đó, dùng dao cầu thuyền tán, ống tiêm ống thụt giết hại dân nghèo để lấy tiền nuôi vợ nuôi con và làm giàu.

* * * Thừa các ngài. Trong cái xã hội của chúng ta ngày nay, hạng người nào giỏi bịp và độc bụng hơn hết? Nếu đã xem xét một cách kỹ càng, các ngài chắc không ngần ngại gì mà không nói rằng:

- Chỉ có hạng người ít học hay không học mà dám làm thầy lang.

Thật thế. Một số rất lớn cụ lang, ông lang, chú lang, anh lang kia đều là tổ sư, thánh sư, tiên sư và kỹ sư của nghề "bịp"... gọi họ là "lang" hay coi họ là "lang" ấy là chúng ta tự làm. Chữ "lang" chỉ xứng đáng với những người có học thuốc biết chữa bệnh, còn phường đại bịp kia đâu có "lang" một chút nào! Họ là thầy đồ đọc cuốn sách nho không hiểu nghĩa. Họ là cậu học trò tây đi thi tiểu học không đậu. Họ là kẻ "Hán tự không biết Hán, Tây tự chẳng biết Tây", trong tay không có nghề gì nuôi sống lỗ miệng. Đi ăn mày mà nhiều người cho, đi ăn cắp mà không bị tội, thì họ cũng chẳng xoay ra cái nghề làm lang. Nhưng hai cái nghề kia không phát tài lại nguy hiểm, cho nên họ phải giở đến cách lường gạt người ốm. Nếu đã biết một vài chữ Hán thì họ học thêm ít tên, bài thuốc Tàu rồi họ đóng vai thầy lang một cũ. Nếu có biết năm ba tiếng Tây thì họ học thêm ít tên vị thuốc Tây rồi họ đóng vai thầy lang một mới. Còn nếu chỉ biết có chữ quốc ngữ, ngoài ra không hiểu một thứ chữ nào, thì họ tự xưng là làm thuốc gia truyền, rồi mua vài cuốn sách thuốc quốc ngữ để tập lấy những câu nói sáo. Trong lúc nghề thuốc còn lộn xộn, không ai có quyền được hỏi lý lịch của người làm lang. Hễ mà họ có tú thuốc, ô thuốc, có dao cầu, thuyền tán, có tiêm, có thụt, có áo blouaê, ấy là họ lên mặt cứu dân độ thế, cũng cho đơn, cũng bốc thuốc, cũng tiêm, cũng thụt, cũng cao, đan, hoàn, tán, họ giở không thiếu trò gì. Các ngài nghĩ xem, nghề thuốc có thể dễ dàng như vậy được chăng?

Một người đã thông chữ Hán muốn học thuốc Tàu, theo thầy chữa bệnh hàng mười mấy năm, đọc đi đọc lại mấy trăm pho sách mà khi thành nghề, vẫn còn có bệnh chữa lầm. Một ông đốc tờ chưa chắc chữa bệnh khỏi sai, sau khi đã trải sáu, bảy năm trời vừa làm vừa học ở nhà thương. Huống chi bọn đại bịp đó, ngoài ngón bịp ra, hầu hết là kẻ ngu dốt. Vậy mà hôm trước còn là thầy đồ dốt, còn là anh thi trượt bằng tiểu học, còn là đứa lang thang vô nghề nghiệp, hôm sau đã là "lang" rồi, phỏng chừng họ có biết nghề thuốc là cái gì nữa! Chúng tôi dám nói quyết rằng: họ ra đóng vai thầy lang, mục đích không cốt ở sự chữa bệnh.

"Mỗi người bị lừa một lần thì tôi sẽ thành một nhà triệu phú". Đó là câu của một thầy lang giả hiệu đã có cửa hàng đồ sộ ở Hà thành trả lời chúng tôi trong khi bị hỏi dồn đến cùng đường. Té ra sự làm thuốc của họ chỉ là một sự lường đảo, ăn cắp. Nhưng nếu họ lường đảo, ăn cắp bằng cách khác, chúng ta chỉ mất tiền, mất của mà thôi. Cái độc ác là

họ lại lờng đảo, ăn cắp bằng nghề làm thuốc, cho nên chúng ta đã mất tiền cho họ lại mất mạng về họ nữa. Các ngài đừng tưởng thực đại, dương qui, đặng sâm, bạch truyệt là không chết người. Các ngài đừng tưởng thủy ngân, khinh phân, hoạt thạch, hải kim sa là không hại gì. Các ngài cũng đừng tưởng Gonacrine, vaccinantigonococique mà người nào cũng có thể tiêm được. Không thể đâu. Nếu không biết dùng, nếu dùng không trúng bệnh, nước lã cũng giết người được nữa là thuốc. Biết vậy, mà nhiều người đành nhắm mắt để cho họ lừa, nhắm mắt đem tính mệnh mà giao phó cho họ. Chỉ vì chúng ta phần nhiều là hạng người nghèo. Nghèo không có tiền, lúc ốm không lấy đâu mà tìm chỗ chữa bệnh chắc chắn, nên phải đánh liều dùng thuốc của họ, phó sống thác cho sự rủi may. Không ai ngờ rằng đã mượn kẻ mù đưa đường, thì không có may chỉ có phần rủi. Trong chúng ta, chắc đã có người uống thuốc của họ. Thuốc chủng trừ vi khuẩn bệnh lậu cầu nhiễm huyết.

Chúng tôi muốn hỏi có ai khỏi bệnh hay không? Một nghìn lần không. Nếu có khỏi nữa cũng chỉ là sự hú họa. Bệnh không khỏi, tiền vẫn mất. Vì vậy mà họ mới chóng làm giàu. Các ngài hãy ngắm mà coi. Biết bao kẻ không nghề, không nghiệp, sau ít năm đóng vai thầy lang, đột nhiên có ô tô, có nhà lầu, có ruộng đất liền khu ở quê rồi. Mỗi lần họ mua ruộng đất, cất nhà lầu, sắm ô tô thì bao nhiêu mạng vô tội chết oan về họ! Giặc cướp thuở xưa không đến nỗi tàn ác như vậy. Nói theo sách cổ "tội ác của họ nay đã đầy sâu". Đứng về phương diện xã hội, chúng tôi tưởng không nên dung thứ mãi cho một hạng "giết người lấy của" ấy cứ dùng tính mệnh dân nghèo để làm giàu! Nhưng mà trị họ bằng cách nào? Gần đây, nghe có nhiều người muốn lập ra một hội y giới, nói rằng mục đích cốt để chấn hưng nghề thuốc. Việc đó, chúng tôi rất hoan nghênh nhưng chỉ lo cho lúc lựa người vào hội. Ông nào đáng, người nào không đáng là hội viên, đó là một điều rất khó phân biệt. Mà nếu không chịu phân biệt, ai có dao câu thuyền tán đều cho vào hội tất cả, thì những kẻ "giết người lấy của" sẽ mượn thanh thế của hội mà lấy thêm của, giết thêm người. Một hội như vậy, chẳng những vô ích mà còn hại cho xã hội giống nòi nhiều lắm. Theo ý chúng tôi, muốn trừ hết bọn "giết người lấy của" chỉ có một cách:

Dem hết những cách làm thuốc, khoe làm tiền của họ tuyên bố lên báo cho mọi người đều biết.

Họ lại kiếm ăn vào bộ xương khô

Chúng tôi tưởng các nhà đương sự cũng nên vì dân quê mà trừ khử lũ thầy địa kia, vì chính họ là những kẻ lờng gạt. Hồi này vì kinh tế khó khăn, ở các thôn quê lại đẻ ra rất nhiều thầy địa. Bọn đó là một hạng người vô nghề nghiệp, họ chỉ có một cái la kinh làm vốn để lân la hết làng này đến làng khác, hết nhà này đến nhà kia, mục đích cốt kiếm vài bữa cơm, hoặc năm ba đồng bạc. Điều đó tuy là tội của phường bắt lương, nguyên nhân cũng vì sự mê tín của dân quê mà ra. Xưa nay dân quê rất tin phong thủy, tín ngưỡng quỷ thần, phụng sự tổ tiên đều có hàm một cái tính cách ỷ lại vào sức mầu nhiệm vô hình của khoa phong thủy mà cầu lợi. Họ yên trí rằng cái số phận dân làng may rủi hay hèn, đều theo ở hướng đình, con cháu cường thịnh hay suy vong, đều trông vào ngôi mộ tổ. Chỗ đình chùa trong dân thôn còn bị chi nọ chi kia ràng buộc, không mỗi chốc di đi dịch lại được, chứ như trong một nhà, thì nắm xương kẻ chết bị họ đào lên chôn xuống luôn luôn - hồng nhờ sự kết phát để cầu đình tài, quyền chức.

Người ta bảo họ dùng nắm xương cha mẹ để làm mỗi cầu phú quý, thực không oan. Một việc vô lý và vô đạo như vậy, không hiểu vì sao vẫn có người tin? Bảo rằng cuộc thành bại hưng vong trong sự nghiệp và thân thể con người ta là do sự chủ trương của đấng cao xanh mà khoa phong thủy, dùng âm phần dương trạch của người ta làm cái "cầu chì" để thành toán cho sự chủ trương của trời đất, thì người ta một khi đã gặp được thầy phong thủy để cho ngôi đất, cấm cho ngôi nhà, rồi cứ nghiêm nhiên tọa hưởng kỳ thành, không học mà hay, không làm mà có hay sao?

Nếu nhận rằng phong thủy là một khoa học do cái văn minh xán lạn của Trung Hoa cấu tạo nên, lấy thiên cơ địa đạo hộ vệ cho nhân sinh, sự mầu nhiệm có quan hệ tới sự cùng thông đắc táng một cách rõ rệt, thì sao hiện nay dân quốc Trung Hoa lại hạ lệnh trừ khử một cách cương quyết những kẻ làm nghề phong thủy? Hẳn là họ cũng đã xét cái khoa học ấy, một là nhất truyền, hai là vô hiệu, nếu còn để mãi thì chỉ gây ra cái họa quần manh dẫn quần manh vào con đường mê tín và ỉ lại là hai cái trở lực cho cơ tiến hóa, cho nên họ phải cấm đi. Có người nói rằng di hài cha mẹ là bảo vật của người con chí hiếu, kẻ hiếu dưỡng cha mẹ lúc sinh tiền thì ăn tất dâng cơm dẻo canh ngọt, ngồi tất đặt giường cao chiếu sạch, thì khi tử hậu tất cũng phải tìm chỗ đất lành, phong cảnh đẹp để an táng mới yên lòng. Nếu chỉ một ý nghĩ trọng hậu ấy thì hà tất phải dùng thầy phong thủy, moi móc nắm xương tàn, tha hết đồng này xứ khác. Xét về môn học phong thủy mà được thịnh hành ở xứ ta, hoàn toàn nhờ sự cổ động của sách vở đời xưa còn lại. Chẳng những người ta tán dương nó bằng sách địa lý mà còn ca tụng nó bằng sách truyện ký nữa. Sách Công dư tiệp ký chép những lương tướng hiền thần, lập nên sự nghiệp lẫy lừng, không chuyện nào không nói đến việc phong thủy. Ông nọ được về ngôi mã hổ táng, ông kia được ngôi mã thiên táng; vua Đinh Tiên Hoàng là con rái cá, bố ông trạng Mạc Đĩnh Chi là con con khỉ độc, bịa đặt toàn những chuyện hoang đường. Sau pho sách ấy là quyển Nam hải dị nhân của ông Phan Kế Bích biên dịch cũng một tính cách như thế. Thế mà ngày nay được Nha học chính công nhận là hạng sách giáo khoa. Quyển sách ấy chẳng biết tốt cho lũ trò non về phương diện nào, nhưng về phương diện phong thủy thì hẳn lũ trò non sẽ truyền thụ được cái thói ỉ lại di truyền, và họ sẽ in sâu vào bộ óc non nớt ấy rằng, tuy sống ở đời khoa học thực tế này, riêng con dân Nam Việt còn phải nhờ hòn đất mới được vinh thân phì gia, nhờ hòn đất mới được phân vua lộc nước, tài năng học thức chỉ là món phụ thuộc mà thôi. Nếu như thế thì những kẻ làm con trong thời buổi khó khăn, gặp cảnh cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, lại đeo bông cha già mẹ yếu, vợ mọn con thơ, hẳn cũng có khi thoáng một ý nghĩ mơ hồ rằng: sao hai đồng thịt yếu hèn kém cõi kia, sống đã vô dụng thì chẳng chết quách đi cho mình tìm nơi đất kết mà chôn để ta được giàu có sang trọng như người, còn bắt mình nuôi "báo cô" mãi tới bao giờ? Tóm lại, cái nghề phong thủy nó đã làm hại dân ta đủ các phương diện, nhất là hồi này, vì kẻ vô nghệ nghiệp đều xoay ra làm nghề ấy lại càng tai hại hơn. Chúng tôi tưởng các nhà đương sự cũng nên vì dân quê mà trừ khử lũ thầy địa kia, vì họ chính là những kẻ lường gạt.

Họ vẫn ăn vào cái xác chết

Ông lý Bá làng tôi đáo để thật! Tôi xin thuật ra đây một cái "đáo để" mà ông ta đã dùng để kiếm tiền.

Một hôm trời gần tối, người tuần phu đến lượt quét chợ, hấp tấp chạy vào trình rằng ngoài chợ có bà lão ăn mày chết. Ông ta hỏi:

- Nó nằm ở gian hàng nào? - Bẩm ông, nằm ở gian hàng bà năm Ngẩn.

- Có phải gian hàng bán quà bánh phải không?

- Bẩm vâng!

- Được rồi, thế thì mày đi gọi con mẹ năm Ngẩn lại đây, bảo đã.

Anh tuần chạy đi một lát thì thấy mẹ năm Ngẩn lật đật chạy theo đến. Ông lý ra về ôn tồn nói:

- Chỗ bà con tôi bảo thật, ngày mai có phiên chợ, gian hàng bán quà bánh của bà lại có cái xác mẹ ăn mày nằm chết tại đấy, thì ngày mai bà hãy nghỉ hàng, vì tôi còn phải trình quan khám biên đã rồi mới đem nó đi chôn được, và sau này bà có phải lên tỉnh xuống huyện khai báo về cái xác chết ấy thế nào, bà cứ liệu mà nói. Nhưng khéo ra bà cũng phí tổn ít nhiều, vì nó chết ở gian hàng của bà, nếu không khéo thì cũng rầy rà kia đấy.

Mẹ Ngẩn nghe nói rụng rời, những nghe nói hàng mình có xác chết đã sợ, lại thấy nói phải lên quan thì kinh hãi biết đường nào, hàng bán đồ ăn thức uống, thuế nộp rồi, nếu cả chợ họ biết người chết ở gian hàng mình thì còn ai mua bán gì nữa. Mẹ bèn năn nỉ nói:

- Chết chữa, thế thì làm thế nào? Thưa ông, nhờ ông nghĩ giùm cháu, nhờ ông châm chước đi cho.

- Châm chước thế nào? Xác chết ở hàng nhà bà, chẳng lẽ bây giờ bà bảo tôi đem về nhà tôi chôn?

- Thôi, trăm sự nhờ ông, ông nghĩ cách nào cho cháu nhờ thì cháu không dám quên ơn ông.

- Cứ về lo lấy chục quý (10p) đem lại đây thì tôi liệu cho. - Chết! Nhà cháu còn có gì nữa, vốn liếng được bao nhiêu, ông dạy thế thì cháu lo liệu làm sao cho được, lạy ông giờ cao đánh sế, xin ông làm phúc giúp cháu.

- Thôi thế thì chục giá (6p) là nhẹ lắm rồi, chẳng qua là cái hạn của bà, bán đường dài mua đường ngắn chỗ bà con tôi cũng đành cắng lấy cái chết cho bà vậy, nếu bà còn nói lời thôi nữa thì tôi mặc, sau này bà phí tổn vài ba chục thì bà đừng trách tôi khoanh độc.

Mẹ Ngẩn tụt bao lưng, giốc ra một cái túi vải nâu, đổ ra đếm cả xu lẫn hào và tiền trinh được 1p30 và ba cái giấy một đồng, vừa khóc vừa nói:

- Thưa ông, cả cửa nhà cháu chỉ có thế này, xin ông làm ơn nhận giúp cho, nếu còn nữa, cháu không dám tiếc, nếu bây giờ đi vay mượn đâu, sợ lộ chuyện có đưa nó cáo giác ra thì cháu chết, thôi xin ông đón tay làm phúc.

Ông lý ngần ngại một hồi mới chịu nhận và dặn phải kín đáo. Anh tuần phu chạy theo đánh chó cho mục Ngẩn đi ra rồi lại quanh vào đứng dựa cột chờ lệnh ông lý. Ông lý ngược mắt nhìn bác tuần phu ra về đắc chí.

- Con mẹ này xưa nay vẫn có tính keo bần, bây giờ bộp cổ mới chịu lè luôi. Thầy trò ta có chén rồi đây! Bây giờ mày chịu khó một tí nhé, mày ra kéo cái xác con mẹ ăn mày đến gian bán thịt của thằng Khướu, rồi mày lại gọi nó đến đây cho tao, ông cho thằng này một vố nữa đã!

Anh tuần phu dạ một tiếng dài, một tiếng dạ có hơi kim khí! Lanh lẹ ra đi một lát đã thấy bác Khướu, rượu say bí tỉ, miệng bồm bẻm nhai trầu tiến vào, tưởng là cụ Bá có lợn muốn bán. Sau tiếng chào của bác Khướu, cụ Bá hát hàm hỏi:

- Mai anh mổ mấy lợn?

- Bẩm cụ, mai vừa tết Đoan ngọ lại chính phiên chợ, cháu mổ cả thầy ba lợn, lại lấy thêm thịt bò về bán kèm nữa, trong cụ có lấy gì xơi không?

Cụ Bá cau mày:

- Thế thì lỡ việc của anh rồi, tuần nó vừa vào trình tôi rằng tại gian hàng của anh có người ăn mày chết về bệnh tả, anh thử ra xem có thực thế không, nhưng đừng làm huyên náo mà mất cả buôn lẫn bán đấy.

Câu nói của cụ Bá chẳng khác gì tiếng sét đánh vào tai bác Khướu, mắt tròn lên, miệng há hốc ra, hơi men như ngừng bốc, những giọt mồ hôi trên trán toát ra. Giữa tình trạng ấy, cụ Bá cứ làm thỉnh lơ đãng như không để ý.

- Chết! Lợn, cháu đã lấy về lò sát sinh rồi, thịt bò, cháu đã đặt tiền rồi, làm thế nào hở cụ?

- Làm thế nào, anh hãy nghỉ hàng, mai tôi còn trình quan khát khám, còn tẩy uế đã, rồi trước mặt quan, cửa hàng của anh có xác chết, anh muốn khai thế nào thì khai, tôi biết đâu.

Anh tuần đứng ngoài hớt vào:

- Thôi, bác nói với cụ, nhờ cụ che chở chằm chước đi cho, buôn bán còn lâu dài, nếu để đến ngày mai, cả chợ họ biết gian hàng của bác có người chết dịch tả thì bác bán thịt cho ma nó ăn.

- Vâng, bác ấy nói chính phải, cháu cũng nghĩ thế, thôi xin cụ làm ơn giúp nhà cháu, hay là cụ để cho cháu ra vắc nó đi chôn quách một chỗ là xong, ai biết đâu.

- Anh nói đã dễ chưa, mạng người có họa là cái bánh hỏi, lỡ gặp phải anh nào nó biết thì anh mất nghiệp. Ừ, anh muốn thế, tôi thầy kệ anh, anh có giỏi thì thử ra vắc đi tôi xem nào.

Bác lái lợn xem ra đã chọn, đứng đực mặt, chẳng biết nói sao. Cụ lý ôn tồn bảo:

- Nay tôi bảo, muốn xuôi việc thì cứ "con công", "con công" tứ giúp cho yên ổn, ngày mai lại buôn bán như thường, nếu không thì tùy ý, muốn làm thế nào thì làm.

Bác lái được lời cụ lý truyền cho, nhẹ mình như cất gánh nặng, đành nhắm mắt, nặn hầu bao lấy đủ năm đồng, đặt vào cái đĩa, rồi gãi đầu xin cụ thu xếp đỡ cho.

- Thôi được, cứ về, nhưng phải cầm nhé, nếu có đũa nào nó biết thì tôi không thể nào che chở được mà anh thì tiền mất tật mang đấy, thôi anh tuân đánh chó cho anh ấy về.

Bác Khướu về khỏi, cụ Bá tính gộp lại hai món được 9,30. Anh tuân còn nhắc:

- Bấm cụ, con lại lôi sang gian hàng khác, cụ nhé!

Cụ Bá tìm tìm lờm anh ta một cái rồi chửi yêu: - Lôi mẹ mày đi đâu mà lảm thế! Ăn lảm không sợ hóc à? Này đây ông cho bữa chén.

Miêng nói tay vút cho anh tuân 1p30 và dặn: - Bây giờ một mình mày làm thế nào tha con mẹ ấy ra quán Trúc mà đê, đấy là địa phận làng Yên Xá rồi.

Sáng hôm sau, nghe ngóng mới biết lý dịch Yên Xá đã kéo xác mù ăn mày xuống bờ Trầm mây, địa phận làng Lôi! Đấy, một cái xác chết của kẻ khốn cùng, họ nữ nhẵn tâm như thế. Nếu hỏi họ tại sao làm điều vô đạo ấy thì họ thản nhiên mà đáp: Pháp luật bây giờ lảm khi vì làm phúc mà phải tội là thường.

Kiểu đất ở phố Hàng Trống

Thấy cái đầu đê này, không khéo có người đem cáng đến đón mình đi làm đất. Xin chớ, vì khoa học Tả Ao mình thật dốt đặc, cái kiểu đất Hàng Trống mình nói đây chỉ là do ý tưởng tượng mà đoán ra, chẳng có căn cứ vào sách nào cả. Tuy không dựa vào sách, nhưng quyết là đúng. Ai không tin thử đi một vòng qua phố Hàng Trống mà ngắm xem. Cái ngôi đền ở giữa phố chèo chèo bằng cái quán bán nước, thè lè ra mép đường đi, chẳng biết là thờ vị thần chi mà coi bộ sầm uất hết sức. Một năm 360 đêm, đêm nào cũng như đêm nào, khói hương nghi ngút, đèn nến bập bùng, đàn bà con gái đến lễ đông như nêem cối; có khi lễ trên hè không hết, lễ xuống cả dưới vệ đường, làm cho mình nhiều lúc đi qua trông thấy mà sợ thay, -vì nếu có hai chiếc tô tô gặp nhau ở đó, thì không khéo có kẻ mất mạng. Lại nhất là bất kỳ bà nào, cô nào, hễ đã bước đến cửa đền, thôi thì đầu ai đầu nấy, gật lấy gật để, trông như mấy chục cái chày giã gạo cùng một lúc. Coi cho kỹ thì những người đến lễ đây, phần nhiều là những ả má phấn môi son, nếu không trông thấy ba chữ "Nghiễn thiên muội" ở trên cửa đền, ai cũng phải đồ là đền thờ vị thần mày trắng. Trước kia mình vẫn tưởng vì đền này thần thiêng cho nên đông khách lễ bái, đến nay xét ra, mới biết sự đông khách đó không tại thần thiêng chỉ tại "được đất". Bởi vì ở đó có phải chỉ có một mình cửa đền ấy mà thôi đâu, hai bên tả hữu còn có hai cái "xăm" nữa, nghe nói cả hai đều được "đêm đêm hàn thực, ngày ngày nguyên tiêu" tất cả -theo câu tục ngữ: "tốt đất, cò đậu", thì có lẽ phố Hàng Trống là chỗ đất tốt, cho nên một đền hai "xăm" đều phát phúc như thế, không biết mạch đất từ ngôi đền chạy sang hai ngôi "xăm", hay là từ hai ngôi "xăm" chạy về ngôi đền? "Xăm" ở thành phố thì là sự bất thường không lạ, đũa có ngôi đền quái gỡ ấy mà lại lù lù mọc ở Hà thành thì thật chướng mắt. Nếu có người Anh hay người Nhật qua đó, bụng họ tất phải hỏi thăm:

"Làm sao ở chỗ đô hội lớn của một xứ thuộc địa nước văn minh mà lại có chỗ kỳ khôi như vậy?" Nào các ông nghị viên thành phố ở đâu? Mọi ngày các ông hay soi xét những ngõ dơ phố bẩn mà xin sửa sang kia mà, cái ngôi đền Hàng Trống này đối với con mắt người ngoại quốc chẳng qua như đồng rác ở giữa phố vậy. Các ông mần thịnh sao đành?

Kính mừng Việt Nam Tổ quốc và tiếc thay cho làng báo của nó

Trời thật hay dọa tổ quốc Việt Nam, nói cho đúng, cái tổ quốc của báo Tổ quốc Việt Nam. Hồi cuối năm ngoái, khắp xứ Đông Dương đều nô nức về những cuộc đón tiếp hai ông đại biểu của Chánh phủ Bình dân, người ta ngong ngóng sau chân hai vị đại biểu, sẽ có những cuộc cải cách tốt đẹp. Thì sét đánh ngang trời, cái tổ quốc của tờ báo "Tổ quốc Việt Nam" bỗng chốc xảy ra một tin quan hệ như tin trời đổ. Ông Võ hiền Hoàng Trọng Phu từ chức tổng đốc Hà Đông. Trời đất ơi, ai mà yên dạ cho đành! Con rồng cháu tiên của tổ quốc, nhất là những người Bắc Kỳ, hết thấy đều lo ngay ngáy. Họ sợ cái góc tổ quốc phía Bắc sẽ đổ đánh ụp một cái. Phải lắm! Năm tỉnh đàng ngoài có năm tổng đốc, ví như nhà có năm cột. Từ chức đi một ông tổng đốc Hà Đông, ấy là nhà thiếu một cột, đứng sao được mà chẳng đổ! Mà tổ quốc đã đổ, thì quốc... dân sẽ ở vào đâu? Nếu quả vậy, há chẳng là trời gieo vạ lớn cho tổ quốc? Phúc bầy mười đời, tổ quốc lại sinh ra báo Tổ quốc Việt Nam.

"Trong dịp quốc dân đều phập phồng lo sợ thì cái báo "con cầu con cung" của tổ quốc ấy đã có bài sớ văn lưu ông Hoàng đăng trên trang nhất. Nghe nói bài sớ ấy, lời rất thiết tha cảm động, chẳng kém gì văn châu bà chúa Thượng ngàn. Dầu vậy mặc lòng, ông Võ hiền vẫn không ngoảnh lại, cái đơn từ quan đã đệ lên phủ thống sứ, nhất định ông không rút ra. May sao, trời cũng dọa chơi chứ không làm thực. Bước sang đầu xuân tức thì đã có tin mừng. Ông Võ Hiền đã bị giữ lại trên ghế tổng đốc Hà Đông thêm một hạn không nhất định. Có thể chứ. Bài sớ của tờ báo "Tổ quốc Việt Nam" thật đã thấu đến tai trời, mới có sự tốt lành ấy. Lá sớ qui hóa đó thật là đáng giá ngàn vàng.

Nếu không, nếu tỉnh Hà Đông bị thiếu một ông tổng đốc, thì tổ quốc có khi sẽ thành tổ... cò, chúng mình còn mặt mũi nào mà sống ở đời được nữa! Vạn tuế! Tổ quốc vạn tuế, vạn vạn tuế! Tuy vậy, mừng cho tổ quốc bao nhiêu, tôi cũng tiếc cho làng báo bấy nhiêu. Tương lai số 1 đã tỏ ý mừng rằng Làng Báo chúng tôi sẽ được một viên chúa tể của Làng Quan làm bạn đồng nghiệp, thế vào cái chân ông Thượng Giáo dục đi mất năm xưa. Bây giờ ông Hoàng đã vì tổ quốc mà ở lại, cố nhiên đẹp cho tổ quốc, song cũng thiệt cho Làng Báo. Không biết bao giờ trời mới bù lại chỗ ấy?

Lời của Giản Ung đã được thực hành

Chuyện này hình như ở Tam quốc chí không có. Người ta chép nó vào bộ Hán thư. Hồi ấy, chắc vì Trương Phi say rượu đánh mất Tiểu Bái, Lưu Bị mới hạ lệnh cấm rượu. Không phải vì cấm rượu lậu, không cấm rượu tá như bây giờ đâu. Vì anh hùng khéo khóc này cầm hết các thứ chế bằng men, vô luận là lậu hay không lậu. Thế rồi, một hôm tình cờ đi với Giản Ung vào một nhà dân, Lưu Bị vợ được bộ đồ nấu rượu, ông ấy liền làm như các lính Đoan ngày nay, bắt luôn cả người và tang vật điệu đi. Và định trị tội một cách rất nặng, vì tên dân ấy đã dám chứa đồ nấu rượu. Giản Ung không nói gì cả. Đi một quãng nữa, thành linh gặp một người đàn ông. Giản Ung chỉ vào mặt hắn và bảo Lưu Bị:

- Người kia có tội. Phải bắt mà trị. - Tội gì?
- Tội dâm.
- Sao Tiên sinh biết?

- Khám trong mình nó, chắc là có chứa "đồ dâm".

Lưu Bị biết Giản Ung chế giễu việc mình bắt kẻ chứa đồ nấu rượu, ông ta liền tha cho hắn. Coi chuyện đó, ai chẳng tưởng nó là một câu khôi hài, không khi nào mà được thực hành. Bởi vì trong thế gian, người ta có quyền được chứa đồ dâm, bắt làm sao được? Vậy mà ngày nay nó đã được đem thực hành. Có điều người ta mới thực hành cho loài bò chứ chưa dùng vào loài người. Theo tin của báo Tiếng dân nhiều con bò đực ở vùng mấy làng An Phong, Phúc Tích, Thạch An trong tổng Bình Trung, phủ Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi đương bị ki-mi một cách rất ngộ. Cổ nó đeo một cái khung hình vuông giống như cái gông. Bụng nó, dưới chỗ thận nang, có nhiều dây buộc chằng chịt, đầu cái bửu bối về sự sinh dục thì có treo một cái ống như thể hứng lấy tiểu tiện của nó. Cổ nhiên là nó bị tội. Nhưng đó ai biết tội gì? ấy là tội dâm. Không phải nó đã "dâm nhân thế thiếp" như luật Gia Long đã nói, chỉ phạm cái tội chưa thiếp. Nghe đâu trong mấy năm nay, ở tỉnh Quảng Ngãi có công việc kén chồng cho loài bò cái vẫn được tiến hành một cách chu đáo.

Người ta đã về nhà quê lựa chọn những con bò đực béo tốt khỏe mạnh để làm bò giống. Người ta đã sức cho những nhà có nuôi bò cái phải dắt nó đến cái nhà có bò giống lấy "đực" cho nó. Rồi thì người ta lại phái nhân viên của Sở thú y về liên thôn quê thiếp bớt những con bò đực không đủ tư cách sinh dục đi nữa. Vậy mà còn sợ trong cái xã hội loài bò vẫn chưa hết thói hỗn dâm, cho nên người ta lại phải đề phòng. Những thứ hình phạt đối với bò đực nói ở trên kia đều do kiêu của Sở thú y đề ra cho dân làm theo. Ông kỹ sư chế ra bộ đồ "phòng dâm" ấy đã nghĩ rất kỹ, mỗi bộ phận trong bộ đồ đó đều có công dụng riêng cả. Cái gông, cốt để cản con bò đực khỏi nhảy lên lưng bò cái. Cái ống là để hứng bộ bửu bối của nó khỏi thòi ra ngoài. Còn những dây chằng chung quanh thận nang thì để làm cho cái ổ dâm dục ấy phải vướng vít không thể tự do hành động. Với sự phòng bị cẩn mật như vậy, con vật vô giáo dục dù có động cõn mà muốn hiếp dâm hay hòa gian với con bò cái cũng không tài nào đạt được ý nguyện. Thần diệu thay sự sáng chế ấy, chẳng những có thể lập lại chủng tộc cho loài bò, nó còn có công đũa trì phong hóa cho giống vật mang tiếng dốt ấy nữa! Vậy là ý kiến của Giản Ung phát minh sau hơn nghìn năm, đã được thực hành ở nước An Nam rồi vậy. Phải, theo thuyết "trạch chủng tu lương" thì công cuộc ấy rất nên làm, tuy nó cũng hơi những nhặng lồi thối và có ngãng trở cho sự làm ăn của các chủ bò. Chỉ tiếc cái khí cụ ấy sao lại chỉ ứng dụng vào một loài bò. Chúng ta há chẳng thấy những ông tu hành lợi dụng bóng Phật để đi chim vợ chim con người ta đó sao? ước gì vị kỹ sư nào đó, cố nghĩ lấy một bộ đồ "phòng dâm" đẹp đẽ hơn và chắc chắn hơn, để bán cho mấy ông đó, thì có lẽ trong nước An nam sẽ có nhiều người thành Phật.

Một người oan, một người không oan

Tôi muốn nói vụ án Quốc gia tuần báo bị truy tố vì một bức hí họa đăng ở số 4. Bạn đọc chắc đã biết rõ, vụ ấy có ba người bị cáo, chủ bút là ông Trương Tửu, họa sĩ là ông Nguyễn Đỗ C... và quản lý là mẹ Ngô Thị Thoa, vợ Lê Ngọc Thiều tức Bảo Ngọc, tức Bình Hưng tức chủ một hàng thuốc lậu. Người ở các tỉnh còn chưa biết lắm, chứ ở Hà Nội không ai lạ gì chị họ Lê này. Ngoài Lê Ngọc Thiều còn Lê Huy Phách anh ruột hắn và Lê Ngọc Vụ em ruột hắn cũng đều làm nghề bán thuốc hạ bộ. Đã mấy năm nay cả chi đều trông vào số dân lậu mà ăn. Không biết từ trước đến giờ, đã có những ai uống thuốc của nhà ấy mà được khỏi bệnh. Người ta chỉ biết về đường học vấn, Thiều cũng như

Phách mà Phách thì cũng như Vụ, cả ba đều xứng đáng treo làm câu đối hai câu "Hán tự đéch biết Hán, Tây tự đéch biết Tây" của ông Tú Xương. Nhưng quốc ngữ thì không mít đặc. Họ cũng đọc được chỉ có viết thì không thông. Ấy vậy mà trong bọn đó có kẻ đã dám rao rằng chính mình đang mở một lớp hàm thụ dạy về nghề thuốc kia đây. Xã hội Việt Nam chưa hết người khờ dại. Thuốc của họ có người mua, tất nhiên việc dạy thuốc của họ cũng có người học. Giả sử họ yên phận sống về nghề lậu thì có ai thêm nói đến. Cái tức cười là mấy tháng trước đây, Lê Ngọc Thiều lại táo bạo vác cái bằng sơ học yếu lược để theo vợ vào làng báo, mới khổ cho người ta chứ. Hẳn là hẳn cũng tưởng rằng: nhà đã có đất phát về nghề bán thuốc lậu, thì cũng có đất phát về nghề buôn báo chứ gì?

Nhưng, hình như mã tổ của hẳn chỉ có ống thụt, không có quản bút. Bởi thế, tờ báo của hẳn ra 16 số thì bị đình bản và bị tòa án truy tố. Sau mấy tháng điều tra, trong phiên mới đây, tòa đã xử xong việc ấy. Ngô Thị Thoa phải phạt trăm quan, ông Trương Tửu thì bị gấp hai, họa sĩ Nguyễn Đỗ C... thì được trắng án. Vụ này lúc đầu một vài tờ báo trong Nam đã có nói đến, và cho Thị Thoa cũng oan như hai người kia.

Chùng như các bạn tưởng rằng vợ chồng thị ấy là người quý lắm, có thể là bạn đồng nghiệp với mình, nên cố bênh vực cho họ. Tôi không nhận họ là bạn đồng nghiệp, nhưng tôi cũng cho Thị Thoa bị án là oan. Trên kia tôi phải nói qua về nghề nghiệp của anh em vợ chồng nhà thị cốt để mình oan cho thị. Thì một người đàn bà trong một nhà chuyên bán thuốc lậu như thế, còn biết báo là cái gì. Thế mà người ấy lại được can án về việc báo, há chẳng oan sao? Nhưng ông Trương Tửu thì không oan một chút nào. Ai bảo ông ấy "thí nghiệm ngòi bút" với hạng người ấy? Trời cho mình cái bút, cũng nên trân trọng mới phải. Lẽ nào cái chỗ chỉ chứa thuốc lậu mà cũng chọc nó vào được!

Hướng chi ông ấy không những chỉ chọc vào đó mà thôi, lại còn đem những tư tưởng chính trị quảng cáo cho nhà thuốc lậu, để vì nhà ấy mà mua tín nhiệm của quốc dân nữa chứ! Đừng tưởng thế là không hại cho ai.

Nhờ sự quảng cáo ấy của ông Trương Tửu mà họ mới dám rao lên báo rằng: Quốc gia tuần báo đình bản là cần sửa soạn để ra hàng ngày. Rồi họ in luôn 10 vạn biên lai mua báo Quốc gia giống hệt như vé số số Đông Dương và gửi bán khắp cả ba kỳ. Chính Lê Ngọc Vụ đã đem 43 tập vé giả ấy vào bán ở Sài Gòn rồi. Coi đó đủ biết số người bị lừa về kiểu "mập mờ đánh lận con đen" của anh em nhà hẳn không phải là ít. Ông Tửu tuy không dính đến việc ấy, nhưng cũng không thể chối được trách nhiệm. Nếu không có ngòi bút của ông ấy thí nghiệm một cuộc làm báo với họ thì họ đâu biết ngón lường gạt ấy?

Vả chẳng, ông Tửu dù không phải chịu trách nhiệm về việc giả mạo số vé đi nữa, thì cũng phải chịu trách nhiệm về sự lường gạt của báo Quốc gia. Phải! Báo Quốc gia rao với độc giả là sẽ xuất bản hàng ngày. Vậy mà bây giờ họ lại dùng nó để in những tập tiểu thuyết mót lại của Tàu, khuôn khổ vừa vặn bằng cái bàn tay, như thế không là lường gạt, thì thế nào nữa mới là lường gạt? Cổ nhiên ông Trương Tửu cũng không can liên gì đến việc này, nhưng chính ông ấy là người đã lôi bọn đó vào làng báo. Bây giờ bọn đó vấy bẩn làng báo như vậy, ông ấy không chịu trách nhiệm thì để ai chịu? Thế thì cái án hai trăm quan tiền mà tòa trừng trị mới phạt ông ấy còn là nhẹ lắm. Đáng lẽ còn phải mấy năm quản thúc ngòi bút, để cho ông ấy khỏi thí nghiệm nó một cách bừa bãi.

Người có danh vọng trong làng

Tôi về thăm quê một người bạn cũ. Sau những câu chuyện hàn huyên, tôi bèn hỏi:

- Ở dân ta thì ai là bậc danh vọng nhất trong làng? Bạn tôi mỉm cười mà hỏi lại:

- Bác hỏi người có đức độ hay người có thế lực? Nếu người có đức độ thì làng tôi hiếm lắm, nhưng hạng người có thế lực không ai bằng ông lý bá Khánh. Ông tục danh là thằng Bồi, con một nhà giàu nhất làng. Từ lên một tới lên bảy thì ông vào hàng con cưng, cha mẹ sợ ông yếu, nên không dám cho đi học. Năm lên tám tuổi, ông đã vớ một cô vợ kéch xù, con gái họ Đào, người rất đảm đang, xinh xắn, tuổi mười bảy, trước đã hứa gả cho con trai họ Tạ, tuy con nhà nền nếp thi thư, nhưng phải tội nghèo, nhà ông Khánh chỉ dẫn hơn hai trăm bạc mà đắc thắng một cách dễ dàng. Năm 16 tuổi, ông đã có con rồi từ đấy vợ cứ sinh năm một cho tới chẵn hai cô bốn trai bốn gái. Tuy không biết chữ, nhưng sinh vào con nhà giàu, theo thói đặt lãi cho vay, ông rất thông thạo những văn tự cầm, văn tự đợ, gốc lãi tính phân minh không nhầm lẫn. Trong làng cũng nhiều kẻ khinh ông vô học, năm 20 tuổi, ông tức khí bỏ tiền ra mua cái khóa sinh, chẳng phải ôn nhuần học tập, cứ ngồi nhà đợ giấy sức lĩnh bằng, khao một bữa lên ngay ông khóa, vọng tư văn sánh với bọn văn thân.

Được bên thân, chẳng chịu kém bên hào, năm 25 tuổi, thấy miếng lý trưởng ngon lành, ông vút mấy trăm mua cho bằng được, chẳng lên phủ xuống huyện, chẳng lạy quan van dân, nhưng chức lý trưởng chẳng ai dám cãi. Ông vọng đủ các ngôi các món, những năm ông chịu đăng cai chứa đám, thì danh tiếng lừng lẫy khắp vùng. Năm 29 tuổi, nhân cuộc âu chiến, nhà nước cần tiền, ông vút ngót nghìn bạc ra quyên, được thưởng ngay bá hộ, những Bên thân bên hào: bên văn thân bao gồm những người có học và bên hào bao gồm bọn tông lý. ngày rước sắc cùng mấy ngày khao của ông, phí tổn mấy nghìn đồng, trâu bò lợn gà chết về tay ông như chết dịch. Năm ông 39 tuổi, làng có tiệc khánh thành đình, ông viện thế quan tỉnh quan huyện về làng quyết tranh cho được chức mạnh bái với ông kếp Viên.

Liên sang năm ông 40 tuổi, ông khao ngôi trùm cả đê nhòm ngôi tiên chỉ, phí tổn cũng chẳng phải vừa. Năm ông 48 tuổi, làng khuyết chân thứ chỉ, ông lại ra tranh, mỗi lần ông tranh là mỗi lần ông thắng, mỗi lần ông thắng là mỗi lần ruộng đất của ông phải đổi chủ sang tên cho người khác. Hiện nay ông định vượt lên ngôi tiên chỉ, cho nên ông cố cầu thân với quan trên quan dưới, để hồng cái chương mỹ bội tinh, thì cái hàn lâm ông nắm chắc, cái thủ lợn béo phính của làng, ông cụ Kếp tất có ngày phải rời ra. Đây cái lý lịch của một người có danh vọng trong làng tôi rục rờ về vang là thế. Ông hết sức báo hiếu cha mẹ trong những ngày ma chay giỗ tết, ông hết lòng sùng phụng đức thượng thần trong những ngày đàn, ngày hội, ông hết sức kính trọng dân làng bằng những tiệc khao tiệc vọng, ông hết sức theo đuổi công danh một cách hăng hái, dù bán gia tài mua lấy danh phận ông cũng chẳng từ, ông hết lòng mến phục các quan trên, từ ngày giỗ mọn cho chí ngày tết to, trong các quan trên tỉnh dưới huyện, không bao giờ vắng được mặt ông, mà những đồ lễ của ông đưa đến bao giờ cũng được hơn người, ai cũng phải khen là một người lịch sự, phúc hậu, không cái kiện nào là cái kiện ông chịu thua ai, dù ông trái mười cũng vậy. Bước công danh của ông thoãn thoắt tựa bậc thang, không bao giờ vấp vẩy, từ ông khóa mãi (khóa sinh mua) tới ông lý quyền (quyên tiền cho làng mà đợ) rồi tới ông bá quốc (quốc trái), rồi đến chức Hàn lâm ông đương cây cụt thực dễ dàng, đó là

nhờ ở sức đồng tiền mồ hôi nước mắt của người trong dân, nhân lúc cha mẹ lâm chung hay buổi sưu thuế cấp kỳ, ông lèn một vốn bốn lời cho đầy túi.

Bạn tôi kể xong, rồi chép miệng mà rằng:

- Trong lúc nhá nhem này, dân làm sao thì nước làm vậy, những kẻ mà ta thấy họ tâng bốc nhau là thượng lưu trong nước hiện nay thì thiếu chi những kẻ có cái dĩ vãng xấu xa đê tiện, họ làm mặt cao sang, huênh hoang yêu nước thương nòi, lại có kẻ tung tiền ra mua chuộc lấy những tiếng hư vinh, gây thế lực để mong lũng đoạn những kẻ bản cùng khốn khó, thế mà họ không biết thẹn với lương tâm, dơ với thực giả, thực cũng đáng buồn thay.

Nguyễn Khắc Nương và bà Bé Tý

Té ra ông Nguyễn Khắc Nương trong Nam vừa mới làm xong một cuộc du lịch cực kỳ vĩ đại. Không phải là lên cung trăng như nhà thi sĩ Tản Đà, ông ấy cùng một số người gộp tiền đi thẳng một quẹt từ Nam đến Bắc. Bây giờ ông Nương ở Bắc về Nam đã lâu và đương viết một lô bài để kỷ thuật cái hành trình rất oanh liệt ấy. Thì ra ông Nương đã đi qua Huế, qua Vinh, qua Thanh, lại ra Sầm Sơn rồi đến tận đất Hà Nội. Các bạn đừng tưởng ông Nương chỉ ngủ vài đêm ở xứ "nghìn năm văn vật" mà thôi. Không thế đâu. Trong khi tới đây, ông ấy có đi thăm viếng nhiều chỗ. Cứ lời ông ấy đã nói, thì sớm mai bữa ấy, các ông trong đoàn du lịch vừa ra khỏi phòng, đã có một lũ xe kéo đậu ở trước phòng chờ đợi. Thế rồi mỗi người trong đoàn lên một chiếc xe. Đi đâu? Đi dạo châu thành Hà Nội. Thoạt tiên tới chùa Một Cột. Tôi vào vườn bách thú, rồi đến chùa ông thánh Đồng đen, cái chùa mà người Hà Nội vẫn gọi là chùa Quan Thánh, hay đền đức thánh Trần Võ. Các ông lại còn xem cả hồ Tây, hồ Trúc Bạch và cầu Đu me nữa chứ.

Sau cùng thì đến nhà bà Bé Tý. Tại đây hình như ông Nương đã cảm thấy sự long trọng khác thường. Chẳng thế mà với hồ Tây, ông Nương chỉ thấy nó là hồ Tây, với hồ Trúc Bạch, ông Nương chỉ thấy hồ Trúc Bạch, với đền Quan Thánh, ông Nương chỉ thấy pho tượng Đồng đen và tấm áo châu của vua Minh Mệnh ban cho, nhưng với nhà bà Bé Tý, ông ấy đã thấy nhiều lắm, nhiều hơn những kẻ đã soi bao đèn điện, uống cạn nước máy của đất này?

Tôi nói thật không phải bỡn. Nếu có hỏi các ngài nhà bà Bé Tý vẫn có những gì, chắc là các ngài chỉ đến trả lời bằng những cây sá, cây sung, con gà, con lợn, hay cái biển đề hai chữ "vật hoa" là cùng. Thế thì các ngài còn thua ông Nguyễn Khắc Nương rất xa.

Chẳng những ông ấy chỉ biết trong nhà bà này có nhiều những đồ "cổ tích ngọc ngà châu báu" mà thôi. Theo lời đã nói ở bài tường thuật, thì bà chánh Tý còn bảo cho ông ấy biết trong mình bà ta còn có "mười một vật lạ" tất cả. Cái đó, quyết không sai. Quý nhân phải có quý tướng, xưa nay vẫn thế. Lưu Bang từ ngôi đình trường ấp Bái nhảy lên ngôi vua nhà Hán, chỉ nhờ có 72 nốt ruồi mọc ở trong mình. Lưu Bị xuất thân là anh dật chiếu đóng dếp mà làm được vua nước Thục, cũng chỉ nhờ về hai chữ vành tai to, và hai cánh tay dài quá đầu gối. Bà Bé Tý há phải một người bé tý? Các bạn đọc báo Thời vụ hồi tháng Avril năm ngoái, chắc còn nhớ hai câu đối này:

"Cõi tục cốt cách tiên, hiếu hạnh sắc tài Chu Thái hậu. Người trần tâm tính phật, nghi dung đức độ Tống nguyên phi". Ấy là câu ông nhà nho nào đó đã nghĩ cho bà Bé Tý treo

ở trong nhà bà ấy. Vậy thì chính bà Bé Tý vẫn tự nhận mình là tiên, là phật, là bà nguyên phi nhà Tống và là cả bà thái hậu nhà Chu nữa vậy. Tuy rằng ngày nay chưa biết bà ấy làm những bậc ấy chưa, nhưng mà người ta đã thấy trong nhà bà ấy có đủ các hạng quý khách: nào Tây, nào Tàu, nào An Nam, nghe nói lại có cả ng Lê nữa đấy. Vì vậy có người đã mượn câu này để vịnh bà ấy:

"Nhà nhỏ như thuyền, chớ đã lăm người Hồ lại Việt. Buồng to tầy đầu, chứa bao nhiêu khách Bắc rồi Nam". Đó là câu dịch của sách Tàu, nguyên văn chữ Hán thể này:

"Ốc tiêu như châu, trang tải hứa đa Hồ, Việt khách. Thất đại vu đầu, bao tàng vô hạn Bắc, Nam nhân". Phải chớ đủ khách Hồ khách Việt, chứa cả người Bắc người Nam, bà chúa chuồng chim Hàng Bạc thật là vĩ nhân của nòi giống Rồng tiên. Ông Nương ca tụng là phải! Một đấng vĩ nhân như thế, tất nhiên phải có rất nhiều quý tướng, ông Nương bảo trong mình bà ấy có mười một vật lạ còn là ít đấy, có lẽ hãy còn hơn nữa. Tiếc rằng trong lúc làm trò lạ để tiếp đoàn du lịch, bà ấy không cho ông Nương coi những vật lạ kia! Thôi để lần sau. Lần sau nếu có du lịch ra Bắc, ông Nương nên đòi cho được những vật lạ ấy, coi nó thế nào.

Phải hỏi ngôi đền ấy thờ ông nào đã

Có lẽ dân làm muối ở Thái Bình hôm nay hãy còn mắt vĩa về vụ đền làng Ngải Châu bị đốt. Người đã đốt ngôi đền ấy không phải là gặc cướp, chính là ông Dauret, nhân viên của sở thương chính. Bữa đó nhằm ngày 11 Aout, chừng ba giờ chiều, ông Dauret có đem một bọn tùy tùng đến làng Ngải Châu để khám muối lậu. Nhưng cái làng vô lễ, không biết chiều ý nhân viên nhà đoan trong khi ông này đến khám, họ "dám" không có một hột muối lậu nào cả. Chừng cũng cẩu về tội đã làm cho mình phải lặn ngòi nước tới nơi, mà không kiếm được chút tang vật gì có thể xin bắt phạt họ để lấy hoa hồng, ông Dauret liền sai lũ người tùy tùng phóng hỏa đốt ngôi đền của làng ấy. Thế là ngôi đền ấy đã phải chịu cái số phận của chùa Hồng Liên trong chuyện kiếm hiệp Tàu. Nghe nói dân làng Ngải Châu đã phái người đi trình quan sở tại, và quan sở tại đã về tận nơi làm biên bản để ghi lại cuộc "hỏa thiêu" ấy. Việc này chắc còn lồi thối. Chưa ai có thể đoán trước nó sẽ lồi thối như thế nào. Người ta chỉ biết dư luận vùng bể rất cay cú về cái hành động lạ lùng ấy của một ông nhân viên nhà đoan. Một bạn đồng nghiệp trong khi đăng cái tin đó đã phải cho là một việc đáng than phiền, vì nó phạm đến sự tín ngưỡng của người An Nam. Rồi bạn đồng nghiệp ấy xin chính phủ răn bảo những viên chức nhà Thương chính từ nay không được làm như thế nữa. Cố nhiên lời nghị luận của bạn đồng nghiệp vẫn là chính đáng. Nhân viên sở Thương chính chỉ có trách nhiệm đi khám những nhân vật lậu thuế, sao lại kiêm cả việc đốt đình đốt chùa của người An Nam?

Nhưng nếu nghĩ lại cho kỹ, chúng ta... phải hỏi xem cái đền ấy thờ ông nào đã. Phải! An Nam vốn là một nước nhiều Thần nhất thế giới. Cái vạ "thần mẫn" kéo dài mấy trăm, mấy nghìn năm nay, làm hại bao nhiêu trâu bò, gà lợn của chúng ta. Đành rằng cũng nhiều ông thần có công với dân, đáng để cho dân kỷ niệm, song cũng vô số ông thần cực kỳ bản thiêu, dơ dáy; thí dụ như ông thần Cường bạo đại vương chẳng hạn, nếu còn sống chắc phải đi đày... Thế mà chúng ta cứ thờ bừa đi, lễ bừa đi, há chẳng oan cho cái đầu, cái cổ! Bao nhiêu năm nay chúng ta chẳng hô hào trừ sự mê tín đấy ư? Nhưng có được đâu? Nó vẫn bám vào hai chữ tôn giáo mà được trợ như đá vững như đồng vậy!

Té ra ông Bùi Tiến M... trúng số không vì vận đỏ

Thời vụ số trước có nói đến vụ ông Bùi Tiến M... trúng số 4 nghìn. Chúng tôi cho rằng: sự phát tài ấy của ông M... là nhờ ở vận đỏ mà ra. Một người trước đây 10 năm còn là thừa phái bị cách chỉ vì có dự vào bộ trọng yếu của đảng Việt Nam Quốc dân mà biết nhiều sự bí mật của đảng ấy... rồi không biết làm sao trong khi bảy tám đồng chí và ông nhạc mình đi Côn Lôn, thì mình đặc cách làm ông tri châu, rồi tri huyện, rồi tri phủ, bây giờ lại trúng cả số độc đắc, như thế ai không bảo là vận đỏ. Kỳ thực không phải! Sự trúng số đó cũng nhờ công lao khó nhọc của ông M... mà có, chẳng phải là sự ngẫu nhiên. Theo lời ông M... đã nói với phóng viên Việt báo thì ít lâu nay, ngoài việc chặn dân Yên Sơn, ông ấy còn bị quan tỉnh Tuyên Quang cử ra trông nom công cuộc tu bổ mấy ngôi đền ở Tam Cờ nữa. Công cuộc thứ hai đó tuy có vất vả nhưng ông ấy không hề quản ngại. Các đền chữa xong, theo ý ông M... đâu đâu cũng đẹp cả, chỉ hiềm có lớp mái hiên quá hẹp nó không đủ sức che chở mưa nắng làm lạt màu vàng son, ông rất lấy làm áy náy trong lòng. Thế rồi, một hôm ông ấy khẩn đầu trước bóng Thánh mẫu, khẩn rằng:

Nếu được "mẫu" run rủi cho một dịp phát tài thì ông sẽ bày tỏ với quan tỉnh sửa lại cái mái hiên ấy cho rộng thêm và đẹp thêm. Cố nhiên những câu khẩn ấy đều là những sự thành tâm. Nó cũng thành tâm như khi các quan nhỏ dâng cái "vi thiêng" lên các quan lớn, chứ nó không giống những lời thề nhảm ở trước bàn thờ tổ quốc của đảng Việt Nam Quốc dân. Bởi thế, sau khi trúng số, ông M... mới thành thực nhận là công hiệu của mấy câu khẩn. Nghĩa là mấy câu khẩn ấy lọt đến tai "mẫu", nên "mẫu" phù hộ ông M... được 4 nghìn đồng. Có thể thế được lắm. Thánh mẫu tuy là thần thánh song cũng ở trong đất An Nam, lẽ đâu lại không thích những cái "vi thiêng" của người ta khẩn? Nghe nói ông M... đã sắp sửa thực hành những lời khẩn đó. Bằng món tiền 4 nghìn đồng, ông ấy đương định sửa lại cái mái hiên của đền Hiệp Thành và cứu giúp cho kẻ nghèo khổ, còn nữa thì để làm vốn cho các con, chứ không làm chạy siêu độ cho những đám u hồn đương vẩn vơ ngoài Côn Đảo.

Như thế cũng phúc đức lắm rồi. Với cái công đức lớn lao ấy chắc thánh mẫu lần này sẽ phù hộ cho ông M... bằng hai lần trước. Không phải tôi nói kỳ sau "mẫu" sẽ run rủi cho ông M... trúng số 8 nghìn. Đường đường một ông tri phủ có thiếu gì của? Cái cần của ông M... ngày nay có lẽ là con. Vì khi tiếp phóng viên Việt báo ông ấy mới kể Ngô Tất Tố phê phán Bùi Tiến M... đã thề trung thành với Việt Nam Quốc dân đảng (Nguyễn Thái Học) nhưng sau đó lại phản bội. tên hai cô con gái do hai bà phủ đẻ ra và một cậu con nuôi của ai đẻ hộ thì không biết, chứ không thấy nói đến tên con trai. Nếu như ông ấy chưa có con trai thì là trời không có mắt. Chắc rằng chuyện này "mẫu" sẽ phù hộ ông ấy cố đẻ lấy năm, bảy người con trai để cho có kẻ thừa nhận những cái phú quý mà ông ấy đã lập lên từ viên thừa phái bị cách đến chức tri phủ! Nhưng đó còn là câu chuyện về sau. Bây giờ chỉ nên nhớ rằng: nhờ sự trúng số của ông M... mà cụ Khổng lại được lời ra một vị tín đồ. Phải, khi tiếp phóng viên Việt báo, ông M... có tự phô mình là tín đồ của cụ Khổng thật. Không biết ông ấy đã đi theo cụ Khổng hời nào? Có lẽ là lúc còn làm thừa phái. Dù sao mặc lòng, trong khi thánh đạo suy vi mà được có một ông phủ tự nhận làm tín đồ, cụ Khổng chắc lấy làm há! Điều đáng nói là nếu ông M... mà là tín đồ cụ Khổng, thì ông Nhiễm Cầu chắc phải ghen đến hộc máu. Ông này không phản đảng, chỉ có cái tội làm giàu cho kẻ quyền thần họ Quý! Thế mà cụ Khổng còn sai học trò thúc trống đuổi đi,

không cho là môn đệ mình nữa. Ấy, cụ Không ngày xưa nghiệt như thế đấy. Không rõ quan phủ Bùi Tiến M... có biết hay không?

Thế thì nhà báo là ông trời

Các báo Trung, Bắc chưa được có hân hạnh ấy. Đây là sự vinh dự của các bạn đồng nghiệp trong Nam! Nhưng không phải là chuyện tự do báo chí. Nó là dây dưa của nạn cướp lúa. Trong một bài trước, tôi đã nói qua, nạn ấy, độ nọ, đã làm cho nhiều nơi ở miền Hậu Giang hầu như lộn xộn trật tự. Cứ lời ông Nguyễn Văn Sâm đã nói trong báo Tự do, thì đầu đuôi trong mấy hôm trời, hai tỉnh Bắc Liêu, Rạch Giá xảy ra mười đám cướp lúa cả thảy. Nói là cướp, chẳng qua tôi muốn hà tiện cho cái ngòi bút. Kỳ thực bấy nhiêu đám đó đều chưa đủ điều kiện được gọi là những vụ cướp. Bởi vì bao nhiêu ngàn người dự các vụ ấy đều không có một tác khí giời. Hơn nữa, khi đến những nhà chủ điền, nhiều người còn trao cho họ những bức văn tự vay nợ, có ký tên tuổi rõ ràng. Đáng lẽ phải gọi là vay. Nhưng vì trong khi hỏi vay, người ta không đợi chủ nợ ưng ý, cứ kéo ùa vào mà xúc lấy lúa, vay đâu có lỗi vay thế! Thà bảo là cướp còn có nghĩa hơn. Dù vay dù cướp cũng vậy, sự đặt tên ấy không quan hệ gì. Cái quan hệ là nguyên nhân nạn ấy ở đâu mà ra? Quan thống đốc Nam Kỳ bảo là có kẻ xúi giục. Ông Nguyễn Văn Sâm của báo Tự do bảo tại cái máy chính trị vụng về, không biết kiểm công tìm việc cho dân làm ăn trong khi túng thiếu. Bạn đồng nghiệp Lục tỉnh tân văn chùng muốn được lòng mấy ông xét tá đồ tội luôn cho đạo nghị định cấm việc cho vay nặng lãi. Còn tôi? Lúc đầu, tôi vẫn tưởng rằng:

Nạn đó, một phần là tại mấy ông chủ ruộng. Giả sử, ngày thường các ông ấy không bòn rút bọn kia một cách thái thậm, thì dù có gặp một năm mất mùa may ra họ cũng không đến nỗi đói. Hay là giả sử trong lúc họ trót đói rồi, các ông ấy chịu bố thí bớt cái thừa thãi của mình để cứu những bộ dạ dày trống rỗng của họ thì đâu đến nỗi họ phải rủ nhau đi cướp? Nhưng không thế! Những năm được mùa, người ta đã nạo xương họ, hút tủy họ chỉ để họ đủ sống một đời ngắn ngủi, rồi khi đói khổ, người ta khư khư khóa chặt "lầm lúa" không chịu vung ra một hạt.

Nào ai cãi lại câu đó để tôi xin mời hai ông Hứa Quang Chiêu và Trương Quang Thành làm chứng. Bằng một thứ giấy bạc đặc biệt, ông Chiêu đã cho tá điền vay nợ với kiểu "một vốn tám chín mười lời". Và trước cái cảnh nheo nhóc của hàng nghìn dân đói, ông Thành vẫn chắt lăm một vụn ba nghìn gạo để cho một ăn. Những chuyện ấy trong tờ báo này đều có nói đến.

Thế là người ta chế tạo ra lũ dân đói để bắt họ phải đến nhà mình mà cướp chứ gì? Ấy là khi trước thì tôi nghĩ vậy. Song, sợ mất lòng mấy ông điền chủ, cho nên hôm nọ tôi phải kết án cho con ma đói. Nhưng xét cho kỹ buộc tội nó oan nó, chính nó cũng là khổ chủ, không phải thủ phạm. Vì thế, tôi đương muốn trút tội lỗi vào đầu ông trời. Bởi tại ông ấy gây ra nạn lụt nạn "tim", lấy hết lúa gạo của lũ dân cày, cho nên mới để ra lũ ma đói chuyên xui đàn bà con nít kéo đi cướp lúa. Quả báo! Tôi mới nghĩ vậy mà chưa kịp nói, thì, như muốn trả thù cho trời, mấy ông điền chủ trong Nam đã quay trở lại mà đồ tội luôn cho các bạn đồng nghiệp của tôi trong ấy. "Cái nạn dân đói cướp lúa, chỉ tại các báo quốc âm gây ra", khi quan thống đốc xuống miền Hậu Giang, các ông ấy nói ở trước mặt ngài như thế, và các ông ấy còn yêu cầu chính phủ khôi phục lại việc kiểm duyệt báo chí là khác. Cố nhiên các báo trong ấy không có báo nào xui dân đi cướp lúa, cũng không báo nào xui dân "đói đi". Thế thì có sao lại bị người ta gắp lửa mà bỏ bàn tay? Hay là các

bạn đồng nghiệp trong ấy đã có bí thuật gây ra nạn lụt, nạn "tim"? Nếu thế thì các báo quốc âm cũng có uá quyền thiêng liêng như ông trời rồi còn gì! Nhưng không nên trách mắng ông chủ ruộng, chỉ trách các báo trong ấy. Làm sao các bạn đã lĩnh cái trách nhiệm hướng đạo quốc dân, mà còn để cho khu vực của mình vẫn có những ông điền chủ ngây thơ đến vậy? Tôi muốn yêu cầu các bạn từ đây trở đi, mỗi bạn nên mở thêm một mục "điền chủ giáo dục" dành riêng cho mấy ông ấy.

Thuốc lậu, chuyện kiếm hiệp, vé xổ số giả và cụ Nguyễn Thượng Hiền

Đọc mớ danh từ nôm nạc, hỗn tạp trong cái đầu đề kia, các bạn chắc cũng đoán tôi muốn nói đến Lê Ngọc Thiều, tức Bình Hưng, kẻ mới bị bốn tháng tù treo về tội chực lừa cả nước. Chính tôi định nói đến Lê Ngọc Thiều. Vâng! Các ngài không lầm. Chắc không ai lạ con người đeo cái tên ấy. Trước kia hẳn chỉ là một anh bán thuốc lậu, và thụt thuốc lậu. Người ta không thể biết rằng những ai dùng thuốc của hắn mà được khỏi bệnh. Chỉ biết trong đám con rông cháu tiên, cái số dân lậu không ít, vì vậy hắn vẫn cứ sống. Được rồi, y giới xứ này còn nhan nhản những kẻ không biết chữ "nhất" là một, Thiều vẫn có quyền được thụt thuốc lậu, bán thuốc lậu, không ai cấm. Nhưng Thiều lại xoay ra nghề buôn sách. Kèm với cửa hàng thuốc lậu, Thiều đã công nhiên lập một văn đoàn (!) xuất bản ít chuyện kiếm hiệp để dỗ tiền của lũ trẻ con. Cũng được. Những chỗ ngã ba, ngã tư các chỗ còn có những kẻ xúc thẻ kẹo đạn, mở bàn cờ quay, Thiều vẫn có thể in bán những thứ sách ấy. Cái cá gan là Thiều đã dám lặn vào làng báo, làm chủ cái báo Quốc gia, rồi in những giấy biên lai giống hệt như vé số Đông Dương, để đánh lộn sòng với những vé ấy. Đáng lẽ lại cũng được nữa. Nhưng vì có người tố cáo, nên Thiều phải ra tòa và bị bốn tháng tù treo.

Bây giờ Thiều vẫn cứ con đường cũ mà đi. Trên báo hàng ngày, ngoài việc rao bán thuốc lậu, Thiều còn rao bán cả tiểu sử cụ Nguyễn Thượng Hiền nữa chứ. Cứ lời Thiều rao, thì cuốn tiểu sử ấy, Thiều sẽ in từng tập nhỏ như tập kiếm hiệp bán ba xu một. Cái đó mới tai ngược thay! Hẳn ai cũng nhận thấy rằng: tiểu sử cụ Nguyễn Thượng Hiền, hiện nay ở trong xứ này, ngoài cụ Phan Bội Châu khó có người nào biết rõ. Với cái sức học "Sơ học yếu lược", Thiều sẽ căn cứ vào đâu mà viết? Cổ nhiên, tiểu sử cụ Nguyễn Thượng Hiền cũng cần lưu lại ở nước An Nam, nhưng bây giờ chưa phải là lúc xuất bản. Bởi vì đã là sử phải nói cho đúng sự thực, mà cái sự thực của cụ, lúc này chưa thể nói được. Thế là Thiều viết, Thiều bán, thì cuốn tiểu sử ấy nó ra sao, không phải đọc cũng rõ.

Nó chỉ là món hàng buôn chứ gì? Vậy là cụ Nguyễn Thượng Hiền đã bị Thiều coi như thuốc lậu, truyện kiếm hiệp và xổ số giả vậy.

Hết năm

Còn một ngày và nửa đêm nữa thì đủ ba trăm sáu chục ngày của "ông ba mươi". Nếu quan thế của nhà trời đúng với sự tin tưởng của người phương Đông, thì khi số báo này đến tay các bạn, có lẽ cụ lớn Đương niên hành khiển của năm Mậu Dần đương làm bàn giao với cụ lớn Đương niên hành khiển của năm Kỷ Mão, để nghỉ một hạn là mười hai năm. Năm cũ đã hết. Theo lệ, nhà báo cũng như nhà buôn, lúc giao thời này phải cộng hết

số công việc trong mười hai tháng vừa qua, để báo cáo. Và luôn thể để quảng cáo với độc giả. Nhiều bạn đồng nghiệp của chúng tôi đã làm tròn cái phận sự ấy. Tựu trung làm được oanh liệt hơn hết là ông Hoàng Đạo của báo Ngày nay. Phải! Giữa lúc dừng chân ngắm công đức của báo ấy trong năm Mậu Dần, nhà "độc quyền ru ngủ chúng ta bằng món xã thuyết" của đồng nghiệp trên đường Quan Thánh đã nói thế này:

"Trong công cuộc ấy, một điều rõ rệt hơn nhất, là chúng tôi đã dừng hai bước - để tỏ lòng phần uất đối với những vụ bất công, những điều ức hiếp, công kích chế độ dã man, những phong tục cổ hủ, những sự mê tín không lý, vạch rõ những sự thật xấu xa che đậy dưới sự xảo quật của người..." Chà chà công đức vô lượng! Nhưng chưa hết, ông ấy còn bới trong tập lưu cáo của Ngày nay để nhắc lại với chúng ta nhiều công lao khác và kết luận rằng:

"Ngay bên công cuộc chỉ trích, phác họa xưa (?) chúng tôi đã xây dựng một công cuộc kiến thiết vững vàng (?). Trên đời còn gì hơn hiểu và biết. Các bạn và chúng tôi đã dắt tay nhau đi vào vườn trí thức, ngắt những bông hoa của tinh thần, những bông hoa thơm của văn chương, những bông hoa lạ của tư tưởng...". Tốt đẹp vậy thay những sự nghiệp ấy của báo Ngày nay. Té ra báo Ngày nay đã dắt được những ông nào, có lẽ bà nào thì đúng hơn - những bà nào đó, vào vườn trí thức, không rõ là kiến thiết cái gì - rồi đấy. Thế mà đồng bào, quốc dân và cả mấy ông Ngày nay vẫn đều không biết. Oan uổng. Đọc hết bài ấy của ông Hoàng Đạo, tôi rất kính phục và nhớ luôn đến câu này của mấy ông lang thuốc lậu vẫn nói trong máy truyền thanh:

"A lô! A lô! Xin các quý ngài chú ý! A lô! A lô! Bản hiệu từ khi ra đời, đã chữa được mấy triệu người bệnh, danh tiếng lừng lẫy khắp cả Đông Dương không ai mà không biết! A lô! A lô!". Hai thứ văn chương ý thật giống nhau như tạc có điều ông Hoàng Đạo là nhà ngôn luận, cho nên giọng nói của văn hơn, mấy ông cứu thế độ của... hạ bộ nước nhà. Trông người mà ngắm đến ta, tôi rất buồn bã. Là vì, tôi cũng là kẻ viết báo, đáng Chế giễu văn chương báo Ngày nay đã quyến rũ các bà các cô vào con đường lãng mạn, hư hỏng. lẽ cũng phải tụng công đức của mình như người ta chứ. Nhưng mà nghĩ mãi hai ba ngày nay, chưa biết nên tụng các công đức nào. Thật khổ cho tôi. Giả sử cũng gác liêm sĩ một bên để quảng cáo cho mình như ông Hoàng Đạo hay bọn lang thuốc lậu, thì tôi cũng có thể khoe với các bạn như vậy:

"Một điều rõ rệt hơn nhất là tôi đã dùng trào phúng để đánh đổ cái chính sách độc tài của Hít le, cái thủ đoạn chuyên chế của Mụaoloni, cái cử chỉ tàn bạo của bọn Nhật Bản. Và ngay bên ấy, tôi đã xây dựng một nền tảng cho cuộc hòa bình của âu châu. Vì có lời nói của tôi mà nước Đức mới thân thiện với nước Pháp bằng bản hiệp ước Pháp - Đức, vì có lời nói của tôi, nước Pháp mới tỏ thái độ cương quyết trong khi nước ý đòi đất của mình, vì có lời nói của tôi, quân Nhật ở đất Tàu, mới dùng dằng không dám đánh vào Quảng Tây, Vân Nam". Nói vậy, tôi cũng có lý hơn ông Hoàng Đạo, bởi vì chính tôi đã có nói tới công việc của mấy nước ấy. Và tôi tin rằng nói thế Hít le, Mụaoloni hay bọn quân phiệt Nhật Bản, cũng không cải chính. Nhưng chỉ sợ bạn mắng tôi là vô liêm sĩ. Thế thì tôi biết nói làm sao? Không lẽ lại nín không nói. Vậy theo cái lễ phép của mọi năm, tôi xin chúc mừng các bạn năm mới. Nhưng mà những cái bình an, mạnh giỏi, đắc tài, đắc lộc, các bạn chắc không thiếu gì bởi vì người ta chúc tụng các bạn đã nhiều. Về phần tôi, tôi xin cầu cho các bạn, trong năm sắp tới, không phải nghe giọng ru ngủ của ông Hoàng Đạo. Đó là hạnh phúc thứ nhất trên đời.

Thư Viện  Online